

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 369, NĂM THỨ 30

NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2025



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Bình thường Tâm thị Đạo</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Ngôi đền Phật Giáo lớn nhất ở Indonesia</u>	Hồng Nhung	6
<u>Câu trả lời</u>	Bùi Phạm Thành	8
<u>Thơ: Tiếng chuông tiềm thức</u>	Tuệ Nga	10
<u>Giữ tâm thanh tịnh trong cảnh đông loan</u>	HT. Trí Quảng	11
<u>Hư Hư Lục Bà Chúa xứ</u>	Thích Nữ Như Thủy	16
<u>Bắc Cầu</u>	Minh Đức Triều Tâm Ảnh	17
<u>Chánh ngữ thời loan thông tin</u>	Nguyễn Cẩn	18
<u>Văn hóa bản địa và tương lai PG ở Châu Phi</u>	Minh Tuệ	24
<u>Phật Giáo tại Úc Châu</u>	TT. Thích Nguyên Tạng	26

Tranh bìa
Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**

Bình thường Tâm thị Đạo

Ngài Triệu Châu đến hỏi đạo ngài Nam Tuyền.

- Thế nào là đạo?

Ngài Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Theo chữ Hán là “bình thường tâm thị đạo.

Ngài Triệu Châu hỏi:

- Lại có thể nhằm tiến đến chăng? Nếu nói tâm bình thường là đạo như vậy mình có thể nhằm tiến tới để được tâm đó hay không?

Ngài Nam Tuyền trả lời:

Nghĩ nhằm tiến đến là trái. Vừa nghĩ tiến đến để đạt đạo là trái với đạo rồi.

Ngài Triệu Châu hỏi thêm:

- Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?

Theo quan niệm của ngài Triệu Châu là muốn biết đạo phải do nghĩ mà biết, nay không do nghĩ tiến đến thì làm sao biết đạo?

Ngài Nam Tuyền đáp:

- Đạo chẳng thuộc biết, chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký, nếu thật đạt đạo thì chẳng nghĩ, ví như hư không thênh thang rộng rang, đâu thể dỗi nói phải quấy.

Ngay đó Sư ngộ, như vậy ngay đó ngài Triệu Châu liền ngộ,

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

Bài 52 Spinoza và Thượng đế - không gian và thời gian

Spinoza, triết gia Hòa Lan thế kỷ XVII có nói như sau : "Thượng đế (God, Dieu, Chúa Trời) là một chất liệu vô tận mang các phẩm tính vô tận (câu này trích từ tập luận *Ethics / Đạo đức học, 1677, Phần I, Chương 6*), hơn nữa Spinoza còn nói thêm là chúng ta chỉ có thể biết được hai trong số các phẩm tính đó là không gian và thời gian. Là người Phật giáo, chúng ta nhìn vào hiện thực xuyên qua hai phương cách cảm nhận khác nhau liên quan đến hai yếu tố căn bản đó. Vì vậy chúng ta không sao tránh khỏi nêu lên một mô hình về hiện thực thuộc hai thể dạng khác nhau : hoặc không gian hoặc thời gian. Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm được là chuyển từ thể dạng này sang thể dạng kia, không có một mô hình thứ ba nào có thể "kết hợp hài hòa" (*recociliation / thỏa hiệp*) giữa hai thứ ấy (bất cứ ai trong chúng ta cũng "hiểu" được không gian và thời gian là gì, đó là hai "kích thước" hay hai "yếu tố" gắn liền với hiện thực. Thế nhưng chưa có một ai "biết" được bản chất của không gian và thời gian là gì, kể cả các khoa học gia, triết gia, các nhà toán học sử dụng các phương tiện đo đạc tinh xảo và hiện đại nhất. Nêu lên điều này có thể khiến một số độc giả ngạc nhiên, bởi vì đối với nhiều người không gian và thời gian là những gì thật hiển nhiên, gắn liền với từng tư duy, xúc cảm và từng động tác của một cá thể, kể cả sự chuyển động chung của toàn thể vũ trụ. Tóm lại không gian và thời gian thật sự là gì thì trí thông minh của con người chưa giải

đáp được. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này qua tầm nhìn của Phật giáo trong phần ghi chú cuối sách). Đường như sự "kết hợp hài hòa" đó (giữa không gian và thời gian) chỉ có thể thực hiện được qua các cảm nhận trong lãnh vực tâm linh của chúng ta, một lãnh vực vượt xa hơn và cao hơn lãnh vực chi phối bởi các hình thức đối nghịch, và tất nhiên trong lãnh vực đó cũng phải có một sự đối nghịch thật sự nào đó. Qua cách nhìn trên đây thì sự đối nghịch nan giải hay sự khác biệt không thể thỏa hiệp (hàn gắn) được giữa hai mô hình hiện thực đó - một thuộc thể loại không gian và một thuộc thể loại thời gian - có thể được xem như là một công án (koan) [trong Thiền học] mà giải đáp (sự nắm bắt hay quán thấy) chỉ có thể thực hiện được bằng một sự bừng tỉnh mang tính cách trực giác.

Khi tôi nêu lên thuật ngữ "vô tận" thì đây là cách mà tôi muốn nói đến một hiện thực vượt lên trên kích thước thời gian, đúng hơn là một sự kéo dài bất tận của thời gian. Thế nhưng ngay cả ý nghĩa đó cũng có thể là một hình thức đánh lừa, bởi vì thuật ngữ "vượt lên trên" (*transcendant / siêu việt, siêu nhiên*) có thể khiến chúng ta tưởng tượng (hình dung) "thời gian" và "vô tận" như là những thứ gì đó hiện hữu bên trong không gian ("vượt lên trên" có nghĩa là phải có một cái gì đó "ở bên dưới", vì vậy nếu muốn "có trên" và "có dưới" thì phải nhờ vào yếu tố không gian. Chúng ta phải luôn ý thức ngôn từ chỉ là các quy ước và công thức dùng vào việc trao đổi sự hiểu biết, nhưng không phản ảnh được hiện thực một

*cách chính xác), và đây là cách [mà tôi muốn] nói lên một cái gì đó "vượt thoát" ra khỏi thời gian và đồng thời cũng là cách. Những gì trên đây đưa đến một khái niệm gọi là *Trikaya* trong giáo lý Phật giáo, tức là là giáo lý nêu lên "ba thể dạng thân thể của Đức Phật" (kinh sách Hán ngữ gọi là "Tam Thân"), Một số học giả [Phật giáo] uyên bác thường xem trọng giáo lý này. Thật vậy *Trikaya* là nền tảng tư tưởng chủ yếu nhất đối với phép tu tập của Đại thừa nói chung, thế nhưng lại thường bị hiểu sai. *Trikaya* nghĩa từ chương là "ba thân thể" ("tri" là ba, "kaya" là thân thể hay thân xác, tức là ba nhân dạng hay ba thể dạng hiện hữu khác nhau của Đức Phật), nhưng cũng có thể hiểu là "ba cá thể" (*personalities*) hay "ba cá tính" (*individualities / thể tính*) khác nhau của Đức Phật. Thế nhưng giáo lý đó không hề có ý nêu lên ba thể loại thân thể [của Đức Phật], lại càng không phải là cách dùng để chỉ định ba vị Phật khác nhau. Giáo lý đó thật ra là để nêu lên sự vận hành theo ba cấp bậc khác nhau của Đức Phật hay Bản-thể-của-Phật. Theo sự giải thích thường thấy thì *Trikaya / Tam Thân* gồm có *Dharmakaya / Thân đạo pháp* (*Dharma* có nghĩa là Đạo Pháp hay Giáo lý hay Giáo huấn của Đức Phật), được so sánh với một bầu trời xanh biếc, thật tinh khiết, không một bóng mây; tiếp theo đó là *Sambhogakaya / Báo thân* (còn gọi là *Thụ dụng thân*, chữ *sambhoga* có nghĩa là "cùng ăn uống với" hay "cùng sinh sống với...", tóm lại *sambhogakaya* là thân xác hình tướng, tức là thể dạng con người của Đức Phật) được biểu trưng bởi một áng mây hiện ra giữa bầu trời xanh biếc nói đến trên đây, đồng thời áng mây *sambhogakaya* đó cũng được bao quanh bởi các cầu vồng (các vầng hào quang đủ màu); sau hết là *Nirmanakaya / Ứng thân* hay *Ứng hóa**

thân (tức là *Thân biến hóa*, chữ *mana* là tâm thân hay tâm thức, từ ghép *nirmana* có nghĩa là biến hóa), biểu trưng bởi một cơn mưa rớt xuống từ đám mây *sambhogakaya* (xin lưu ý cách gọi và cách định nghĩa về "ba thân" trên đây là theo Đại thừa, bởi vì Phật giáo Theravada và một học phái xưa là Sarvastivadin giải thích về "ba thân" với đôi chút khác biệt về cả tên gọi cũng như ý nghĩa. Có thể đây cũng là một trong các nguyên nhân khiến đưa đến sự hiểu sai và lầm lẫn về khái niệm *trikaya / Tam thân*. Khác hơn với Phật giáo Theravada và học phái xưa Sarvastivadin, giáo lý "ba thân" đặc biệt được chú trọng nhiều hơn trong phép tu tập của Đại thừa. Chẳng hạn như khái niệm về Thân biến hoá (*Nirmanakaya / Ứng thân / Ứng hóa thân*) đưa đến sự hình thành của vô số các vị bồ-tát, các vị thần linh, kể cả các vị Phật khác, cũng như các hình thức thiêng liêng dưới mọi thể dạng). Ngoài ra trong Kim cương thừa khái niệm "ba thân" cũng được biểu trưng bởi ba hình ảnh của chính Đức Phật, các hình ảnh này được chồng lên nhau từ trên xuống dưới. Ở vị thế trên hết là *Dharmakaya* (*Thân đạo pháp*) là hình ảnh của một vị Phật hoàn toàn không mặc quần áo, thường được vây quanh bởi các vị thần linh, tuy nhiên đôi khi cũng được biểu trưng một cách đơn độc. Sau đó là *Sambhogakaya* (*Thân hình tướng*) là một vị Phật ăn mặc thật trang trọng, đội mũ và mang thật nhiều trang sức. Sau hết là *Nirmanakaya* (*Thân biến hoá / Ứng hoá thân*) biểu trưng cho chính vị Phật [lịch sử] Shakyamuni (Thích-ca Mâu-ni), đầu cao trọc, tay cầm gậy và chiếc bình bát của người khất thực, quần áo thì gồm những mảnh vải vụn khâu đùm với nhau.

Bures-Sur-Yvette, 06-01-2022

Hoang Phong chuyên ngữ

Ngôi đền phật giáo lớn nhất thế giới ở Indonesia tái sinh sau thời gian bảo tồn

Hồng Nhung



Sau khi được khám phá vào nửa đầu của thế kỷ 19, ngôi đền Borobudur được biết đến như là một trong những di sản văn hóa độc đáo nhất thế giới.

Theo trang SCMP, ngôi đền được xây dựng vào thế kỷ thứ 9 và được người dân địa phương gọi là "Candi Borobudur". Nằm trên một đỉnh đồi cao, Borobudur khiến người ta trầm trồ vì vẻ ngoài uy nghi, đồ sộ nhưng rất cổ kính và tôn nghiêm.

"Tôi đang đi dạo quanh ngôi đền Candi Borobudur, dừng lại chiêm ngưỡng những

tấm đá cổ và bảo tháp hình chuông tuyệt đẹp, đồng thời suy ngẫm về những bức tượng Phật ngồi trong tư thế thiền định", tác giả Penny Watson viết trên trang SCMP.

Ngôi đền Phật giáo tuyệt đẹp này gần thành phố Yogyakarta, miền trung Java, Indonesia, là ngôi đền lớn nhất thế giới và có niên đại từ thế kỷ thứ 8 và thứ 9. Về mặt thẩm mỹ, kiến trúc, trí tuệ và lịch sử, ngôi đền mang đến tầm vóc kinh ngạc không kém gì quần thể đền Angkor Wat của Campuchia. Ngôi đền được trang hoàng với 504 tượng Phật và 2.672 bức tranh điêu khắc trên đá, tái hiện

lại cuộc đời Đức Phật và hành trình của Ngài từ khi còn là một thái tử cho đến khi đạt được Giác ngộ. 2.760 bức phù điêu ở Borobudur mô tả nhiều cảnh của cuộc sống hàng ngày ở Java vào thế kỷ thứ 8, từ thường dân cho tới hoàng tộc, tu sĩ. Ngoài ra, ngôi đền cũng mô tả các huyền thoại trong Phật Giáo như Atula, các vị thần, Bồ Tát...

Vì vậy, những bức phù điêu quý giá này được sử dụng như một cẩm nang tham khảo phong phú cho các nhà sử học chuyên nghiên cứu về kiến trúc, vũ khí, trang phục, tín ngưỡng, hay các phương tiện vận tải của thế kỷ 8 ở Java.

Cấu trúc trên đỉnh đồi 3 tầng có hình dạng của Mandala từ trên cao và bảo tháp phía trên có thể được nhìn thấy nhô lên so với vùng nông thôn đồi núi xung quanh. Mandala là một họa tiết hình tròn mang ý nghĩa rất đặc biệt trong Phật giáo và Ấn Độ giáo.

Từ nền kim tự tháp xuất hiện 4 phòng trưng bày với 2.670 bức phù điêu bằng đá mô tả khung cảnh độc đáo của xã hội cách đây 1.200 năm.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) đã ghi danh ngôi đền Candi Borobudur vào danh sách Di sản Thế giới vào năm 1991, và ngôi đền đã trải qua nhiều lần trùng tu vào thời đó, nhưng vẫn giữ được tính chất thần thoại, huyền bí và huyền diệu đến mức không thể nào biết hết được.

Khi đi về phía ngôi đền, băng qua bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận và an ninh được chăm sóc chu đáo, hướng dẫn viên của tôi, Din cho biết anh ấy rất vui với những thay đổi của Candi Borobudur kể từ khi đã mở cửa trở lại vào tháng 3 năm nay.

Hướng dẫn viên Din đã nói rằng quá trình trùng tu di sản diễn ra vào thời điểm đại dịch Covid-19 xảy ra. Đã có thời gian ngôi đền buộc phải đóng cửa vì tình trạng bảo tồn không tốt.

Trước đây, tình trạng ngôi đền đã xuống cấp nghiêm trọng vào năm 2016. Tục lệ leo lên các bảo tháp để chạm vào tượng Phật của người dân địa phương cũng là vấn đề, khiến đá dần bị mòn đi. Trước những nguy cơ ấy, tục lệ này đã bị cấm vào năm 2019.

Quy định bảo tồn mới

Theo Chính phủ, các quy định mới đã được triển khai nhằm mục đích bảo tồn ngôi chùa và cũng là "bảo tồn tài sản lịch sử và văn hóa".

Khu phức hợp đền giới hạn chỉ 1.200 du khách tới đây mỗi ngày và 150 khách mỗi giờ, trong 8 khung giờ. Thuế nhập cảnh đã tăng từ mức cố định 25 USD lên 90 USD (khoảng 1,4 triệu rupiah) đối với khách du lịch nước ngoài và khoảng 50 USD đối với khách du lịch nội địa.

Du khách được phát dép tre, dép xỏ ngón để đi và phải có hướng dẫn viên là người địa phương theo sát.

Để ngăn chặn rủi ro gây hại cho ngôi đền như đã đề cập ở trên, giấy tờ tùy thân của du khách phải được xuất trình khi mua vé và thông tin cá nhân của khách truy cập được lưu trữ trong dây đeo cổ tay, được bộ phận an ninh quét để đảm bảo tuân thủ giới hạn thời gian.

"Bây giờ không được phép mang thức ăn theo khi đi tham qua ngôi đền, vì vậy mọi người không thể xả rác bừa bãi như trước đây", hướng dẫn viên Din nói.

Hiện tại, với quy định mới, ngôi đền chỉ mở cửa từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều và người

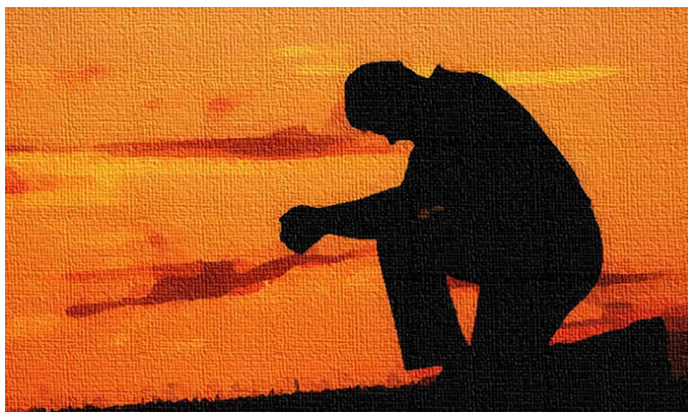
dân cũng như du khách không thể tiếp cận bảo tháp trên cùng nữa.

"Tôi đã đến thăm Borobudur cách đây một thập kỷ và nhớ rằng đã có cơ hội tự do lang thang khắp khu vực ngôi đền. Thời điểm đó cũng có ít khách du lịch và không có an ninh. Nhưng chuyến thăm mới đây của tôi vào tháng 11 năm nay, các quy định mới như đeo dây cổ tay và đi dép tre cũng như theo hướng dẫn viên cũng thực sự mang đến cho bản thân tôi cảm xúc thật kỳ diệu. Khi đi theo hướng dẫn viên, tôi sẽ biết thêm nhiều kiến thức lịch sử phong phú và cả những điều chưa biết từ cổ xưa", tác giả nhận định./.

Hồng Nhung

Câu Trả Lời

Bùi Phạm Thành



Ánh đèn mờ của tiệm cầm đồ nhấp nháy liên tục khi cánh cửa trước được mở ra, để một cơn gió lạnh có dịp ùa vào. Người đàn ông đến cùng cơn gió phải cố gắng lắm mới có thể khép cánh cửa lại, rồi tiến đến chiếc bàn thấp, cởi chiếc áo khoác mỏng, giũ sạch tuyết và đặt lên quày.

"Đáng giá bao nhiêu," người đàn ông nói với một giọng tiếng Anh ngọng nghịu của dân di cư đến từ Ai Nhĩ Lan. "Cho tôi một

giá nhất định đi!"

Người chủ tiệm cầm đồ liếc qua chiếc áo khoác với vẻ khinh thường và ném năm mươi xu lên mặt quày hàng.

"Anh bạn ơi, thêm chút nữa được không? Nhiều đó đâu đủ cho chiếc áo choàng tốt này."

Sự thương hại chẳng mấy thuở xuất hiện trên gương mặt già đời của người chủ tiệm cầm đồ, thế nhưng lần này thì khác. Giọng nói run rẩy của người đàn ông dường như đã chạm vào một vùng bí ẩn sâu kín trong tiềm thức của người chủ tiệm. Ông ta liếc nhìn người khách thật nhanh như dò hỏi, và ném thêm mấy đồng xu nữa lên mặt quày. Người khách gật đầu.

"Vẫn còn ít, nhưng cũng được."

Ông ta cầm chiếc bút chì trên mặt bàn và cố gắng để viết vài dòng trên mảnh giấy gói hàng. Đứng thẳng người, ông ta nhìn thẳng vào mặt người chủ tiệm tuy già nua nhăn nhó, nhưng theo ông ta, thì không có vẻ gì là người khó chịu.

"Chúng ta đều biết rằng đây chẳng là bao nhiêu. Tôi đây không phải là kẻ nghiện rượu hay lười biếng. Tôi biết ông là người không dễ dàng, bởi vì ông sống bằng nghề cầm đồ, nên phải cứng rắn nhưng sòng phẳng. Tôi sẽ đi khỏi nơi đây, điều này tốt cho vợ con tôi. Cô ta không chịu đi đâu cả nếu không có tôi đi cùng. Đây là ít tiền và địa chỉ; đủ để đưa cô ta trở về nhà với người thân có thể đùm bọc cho cô ta và đưa bé ... họ đã hứa như vậy, không có tôi, họ nói như vậy. Ông thấy tôi làm như vậy có được không?"

Người chủ tiệm yên lặng, tránh không nhìn

vào người đối diện, một lúc sau lên tiếng: "Được!"

Rồi họ bắt tay nhau theo thói quen lịch sự của những người đàn ông, chứ không có gì khác.

"Anh làm gì trong giờ giấc đã trễ như thế này?" Một giọng nói vang lên, ngắn gọn, cứng rắn, gân như lời hạch hỏi, đến từ một người đàn ông thứ ba đứng gần đó, mà trước đó cả hai đều không để ý. Người khách vẫn cầm chiếc áo quay lại nhìn người đàn ông đó với vẻ khó chịu. Ông ta nhìn thấy đó là một người đàn ông có dáng mập mạp, hơi thấp, gân như bị nuột tron trong chiếc áo lông dày cộm đang hở phanh ngực, một sợi dây chuyền vàng lớn treo lủng lẳng bên túi, và viên ngọc to tướng làm dáng, chiếc mũi lớn và quặp nhìn xuống bộ ria mép đen rậm rạp. Ông ta chóng cúi chỏ xuống mặt quày hàng để lộ ra những ngón tay đầy nhẫn và điều xì-gà với tàn thuốc đã cháy dài cả đốt ngón tay.

Bốn mắt gặp nhau, Ái Nhĩ Lan và Do Thái, một phút im lặng nặng nề trôi qua. Người đàn ông Ái Nhĩ Lan nhếch môi với giọng đầy khinh bỉ.

"Tôi hả? Tôi đang đi tìm Thiên Chúa! Ông có nhìn thấy ông ta trên đường đến đây không?"

"Không," người đàn ông Do Thái trả lời cộc lốc. "Ông ấy không sống ở New York! À mà tôi vừa nghe anh nói là sẽ đi khỏi nơi đây. Đi đâu trong thời tiết này khi không có áo khoác, chưa chắc anh sẽ qua khỏi con đường của chiếc cầu đằng kia?"

"Không việc gì tới ông!" Người đàn ông Ái Nhĩ Lan gằn giọng.

"Có thể lắm chứ," người đàn ông Do Thái trả lời, trong khi gẩy tàn thuốc xuống sàn nhà. Rồi tiếp:

"Anh có muốn tạm ngừng chuyện ra đi đó để nhận một việc làm hay không?"

Sắc đỏ trên gương mặt của người đàn ông Ái Nhĩ Lan nhạt dần, đôi môi tái nhợt há hốc và lặng im, một tay dựa vào quày hàng để giữ vững vị thế.

"Nếu anh muốn, ngày mai hãy đến tiệm đánh bi-da của tôi, The Star Pool and Billiard Palace, cách bốn con đường bên kia cầu, và tôi sẽ thuê anh với mức lương bắt đầu là mười hai đồng rưỡi một tuần. Hôm qua, một trong những nhân viên của tôi đã lấy cắp và bỏ trốn với bộ bi-da trị giá bốn mươi đô-la. Tôi đang lùng kiếm nó. Anh có thể thay thế vị trí của nó. Một người đàn ông đem cầm chiếc áo choàng của mình trong đêm lạnh như thế này để lo cho vợ con, thì hiển nhiên là một người đáng tin cậy, không say sưa, không ăn cắp những quả bi-da. Đây là một đề nghị về việc làm, anh có đồng ý không?"

Ông ta rút trong túi ra một cuộn tiền và lấy ra một tờ năm đô-la.

"Hãy cầm lấy số tiền này," ông ta kết luận, tránh cặp mắt liếc nhìn của người đối diện. "Nó sẽ làm giảm bớt gánh nặng gia đình của anh cho đến ngày mai. Đây này, anh hãy cầm lại chiếc áo khoác, kẻo lạnh."

Từ ngưỡng cửa, người đàn ông Ái Nhĩ Lan chạy nhanh trở lại, nhận lấy chiếc áo khoác, chìa tay ra, nhưng đột nhiên rụt lại.

"Không nhất thiết phải giúp tôi nhiều như vậy, thưa ông," với giọng run rẩy. "Tôi có

thể lập lại câu nói này hàng ngày, vâng thưa ông, tôi sẵn sàng làm việc cho ông."

"Vây thì tốt lắm! Anh chắc chắn sẽ là một nhân viên tốt! Nhanh trở về nhà với vợ con đi!"

oOo

Người đàn bà ngồi bệt trên sàn nhà, thân thể gầy còm đó đang cố ôm chặt để sưởi ấm cho đứa con thơ đang khóc vì đói lạnh. Không một mảnh bàn ghế nào còn sót lại, ngay cả những cục than trong lò cũng tắt ngúm - bàn ghế là những thanh củi cuối cùng cũng đã không còn nữa. Tiếng bước chân chắc chắn và vội vàng ở ngoài hành lang rục lên tia hy vọng trên gương mặt của người đàn bà, đang hướng về phía cửa vào. Người chồng của bà ta vừa bước vào nhà, trên tay ôm mấy gói hàng. Mắt của người đàn bà dán chặt vào các gói hàng, trong khi đôi tay vẫn ôm chặt đứa con thơ.

"Chúa nhân từ!" người chồng thì thào qua hơi thở. "Em vẫn nói với anh là sẽ tìm thấy Chúa nếu anh cố gắng. Anh vẫn nhớ em nói rằng Chúa sẽ luôn luôn cứu vớt những kẻ nghèo khổ; những người ngay thẳng và thật thà! Em biết không, cảm ơn Chúa nhân từ, đúng vậy em ạ. Qua sự tin tưởng của em, anh đã tìm thấy Thiên Chúa trong đêm nay!"

Người chồng đứng sững, yên lặng, đôi môi run rẩy, và cố gắng giữ vẻ mặt không quá biểu lộ sự xúc cảm đang tràn dâng.

Một tiếng kêu nghẹn lời phát ra từ người vợ. Cô ta lê gỏi đến tựa vào người chồng, đôi mắt rục sáng như những tia sáng của thiên thần.

"Anh đã gặp Chúa ở đâu?"

Những gói hàng tuột khỏi tay người chồng rơi xuống sàn, và khuôn mặt tái nhợt của anh ta, ngẩng lên nhìn về một khung trời xa xăm nào đó, với vẻ ngạc nhiên như vừa khám phá ra một điều kỳ lạ, như một giấc mơ trong cuộc đời khó khăn của anh ta. Và rồi, với một tia lấp lánh trong đôi mắt, anh ta thì thầm:

"Trong trái tim của một người Do Thái."

Bùi Phạm Thành



TIẾNG CHUÔNG TIỀM THỨC

Băng giá chiều sương cánh Tuyết Hoa
Mây phong cô tịch lấp phương nhà
Còn nghe sóng vỗ ngoài khơi động
Đại Nguyện ai về Tụng Pháp Hoa !

Hư Ảo chấp chờn cánh Tuyết bay
Gọi hồn non nước Trăng vui đầy
Tiếng Chuông Tiềm Thức lan trong Gió
Mưa Pháp đầy trời Mưa sớm nay

Tâm Trụ An Nhiên Hồ Tịnh Nguyệt
Con Quy Kính Tạ Đức Như Lai !
Cho con Trí Tuệ ! Tâm Bền Vững.
Bát Nhã Tâm Kinh Ngát Biển Trời ...

Tuệ Nga

(Thi Phẩm Dòng Cổ Nguyệt)

Giữ tâm thanh tịnh trong cảnh động loạn

Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quảng

Mùa hạ năm nay (2024), ở ngoài cuộc đời có nhiều biến động làm cho Tăng Ni, Phật tử quan tâm. Thiết nghĩ trên bước đường tu, quý vị cố gắng giữ tâm thanh tịnh trong hoàn cảnh động loạn, như vậy là người thực tu.

Đức Phật dạy thế giới Ta-bà là nhà lửa, lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa kiêu mạn... luôn thiêu đốt người ta. Mình tu theo Phật, đừng để những lửa này thiêu đốt, đặc biệt trong mùa an cư, chúng ta có điều kiện tu tạo được tâm thanh tịnh.

Năm nay, mùa an cư, trường chúng ta được yên ổn nhờ lực hộ niệm của Phật và sự hợp tác của chư Bồ-tát. Cho nên, bên ngoài động loạn, nhưng tâm đại chúng được yên ổn và thân khỏe mạnh, không ốm đau cũng là điều đáng mừng. Ngoài ra, tuy vật chất yếu kém hơn, vì kinh tế khó khăn và có biến động bên ngoài thì cũng có ít nhiều ảnh hưởng đến chúng ta. Nhưng chúng ta phải thực hiện lời Phật dạy biến đổi tình thế nguy khó thành cơ hội thử thách.

Thật vậy, nghe những điều không tốt về đạo Phật, về người tu, chúng ta phải kiểm chứng xem mình có phạm phải những lỗi đó hay không. Nếu không có lỗi như vậy thì không lo sợ gì và sám hối tức nghiệp đã tạo từ đời trước, không phải nghiệp đời này.

Vì Đức Phật dạy rằng khi tu hành, không có người nói lỗi của mình, mình còn phải tìm hỏi người chỉ giùm để mình biết mà sám hối cho thanh tịnh. Còn mình chưa nhờ người ta chỉ mà họ đã nói lỗi của mình là họ đã giúp đỡ rồi, nên mình không buồn phiền. Nếu họ

chỉ giùm lỗi, mà mình buồn phiền thì mình là phạm tăng. Nhưng tu hành, chúng ta phải cố gắng vượt phạm lên Thánh. Không có cái khó nào trên cuộc đời mà chúng ta không vượt được, mới trở thành Hiền tăng, Thánh tăng. Tuy Hiền Thánh tăng cũng là người phạm, nhưng quyết lòng tu thì trở thành mẫu người siêu phạm.

Thí dụ người ta chỉ trích tu hành mà còn ăn mặc sang trọng, hãy tự kiểm lại, nếu mình không như vậy thì coi như họ không nói mình, mình cho qua, không để tâm.

Hoặc người ta nói tu mà đeo đồng hồ đắt tiền, nếu có thì mình bán đồng hồ để lấy tiền làm từ thiện, vì dân nghèo còn nhiều. Lóng nghe người ngoài phê bình, mình sửa được gì thì sửa. Trường mình có Thượng tọa Thanh Phong thường làm từ thiện, năm nào thầy này cũng đi miền Tây Bắc có đồng bào dân tộc nghèo để giúp đỡ cơm ăn, áo mặc, hoặc xây trường học bị hư sập.

Có thầy cô nghe chỉ trích thì bực tức, sân hận là phiền não nổi dậy, người ta lại chọc thêm mình tu còn phiền não, gọi là phiền não tăng, ma tăng, hay nghiệp chướng tăng. Bị gọi vậy có khô không? Nhưng mình biết sám hối, tự sửa mình, hết nghiệp phiền não, không còn là phiền não tăng thì chẳng thể nói xấu, hay có nói, mình coi như gió thoảng mây bay.

Muốn vượt phạm lên Thánh, mình mới xuất gia đi tu là người có chí xung thiên, nghĩa là vượt lên trên. Thể hiện ý này, thiền sư Nhật thầy cá chép vượt thác nước, họ lập chí tu hành, vượt thác nước trần gian là Hiền

Thánh.

Vị thiên sư khác thấy con ếch nhảy xuống ao, gọi cho họ nghĩ rằng họ từ thế giới Phật, Bồ-tát, hay chư thiên, sao lại nhảy vô nhà lửa phiền não, trần lao này làm chi.

Những người thức tỉnh như vậy, họ là Bồ-tát, A-la-hán sanh lại, tu tập chánh niệm, chánh định. Nhờ vượt khó như vậy, họ mới đi lên.

Đức Phật dạy rằng người tu còn ham muốn, bực tức, tự biết còn ở trong nhà lửa, phải nỗ lực chạy ra khỏi nhà lửa là hết tham, hết bực.

Tôi còn nhớ trước kia, ông Mai Chí Thọ là Giám đốc Sở Công an. Ông nói ông đọc sách Phật chưa nhiều, nhưng chưa thấy Phật dạy người ta nổi nóng. Các thầy tu cao có thầy kinh nào dạy nổi nóng không? Lời nói này nhắc tôi luôn nhớ không được nổi nóng. Nghe trái tai là mình đọa rồi.

Khi xuất gia, xin thọ giới, giới sư có dạy rằng người ta đánh mình, nói xấu mình, mình không được đánh lại, không được nói xấu lại. Nếu còn nổi nóng, còn nói lại là mất giới. Tôi sợ mất giới vì mất giới không còn là Tỳ-kheo đúng nghĩa thì Phật sẽ không hộ niệm, mình sẽ gặp nhiều khó khăn hơn và bỏ tu. Tôi có bạn bỏ tu vì nổi nóng.

Đức Phật dạy người tu tối thiểu phải ra khỏi tam giới, kể cả Dục giới, Sắc giới, muốn gì được đó, mình còn không muốn ở.

Trong cuộc đời tu, quý vị đừng muốn gì, vì muốn sẽ có phản ứng ngược lại. Không muốn thì không khổ, phải sống với hoàn cảnh thực tế của mình.

Khi Phật tại thế, có năm mất mùa, ai cũng đói, người ta không thể bỏ thí, cúng dường.

Phật dạy mình đói, nên tu sẽ hết đói. Vì vậy, chư Tăng tập nhịn đói được từ một ngày đến nhiều ngày. Trước kia, Hòa thượng Trí Quang nhịn đói một trăm ngày. Nói cách khác, ba tháng hạ, không có người cúng, đại chúng vẫn sống được. Tuy chưa là Thánh tăng, nhưng vẫn là tấm gương tốt cho người lập hạnh tu theo.

Hòa thượng Thanh Kiểm kể rằng lúc ngài ở Nhật, lúc đó nước Nhật mới bại trận, nên nghèo đói lắm. Ngài nhớ đến thiên thực, uống nước lạnh, lên thiên sàng ngồi nhập định, quên đói.

Sống bình thường mình thấy đói, nhưng ngồi nhập định một ngày, mình hết đói. Cố gắng thực tập pháp này lần sẽ bước vào dòng Thánh. Tập không ăn từ một ngày đến ba ngày, chỉ uống nước thôi là tập không lệ thuộc ăn uống. Tất cả chúng sanh đều lệ thuộc nặng nhất là ăn, tức ăn để sống, nhưng chúng ta không ăn để sống thì thiên sư nói tập sống theo con rùa. Người ta bắt nó treo ngược đến ba tháng không cho ăn, mà rùa không chết. Và thiên sư bảo tập thở như con rùa là thở chậm, thật nhẹ và thật dài, nên không đốt chất hữu cơ.

Vì vậy, mình có thể tập nhịn đói từ một tuần đến một trăm ngày không chết. Không ăn thực phẩm, nhưng mình ăn cơm thiên. Như tôi lúc còn là nghiên cứu sinh, quên ăn và quá giờ ăn thì không còn gì ăn. Tôi tiếp tục đọc sách cũng quên đói.

Đọc sách, nghiên cứu, ngồi thiền, trì kinh quên đói là cách sống của người tu hơn người đời. Người tu không ăn không khổ và còn có thì giờ tu thì dễ chứng Sơ quả.

Đầu tiên tập không lệ thuộc ăn uống, ngủ nghỉ, thêm một bước nữa, vượt lên tinh thần thể tục là vui buồn, vinh nhục thường xảy ra cho con người. Nhưng mình muốn vượt hơn

người, không vui buồn, lúc nào cũng thanh thản, khen chê cũng vậy. Ở ngoài đời, người ta chê nhiều là điều bình thường, mình không có lỗi thì không quan tâm, nếu chê đúng thì mình sửa, nếu chê sai, mình không sợ.

Phật dạy rằng họ nói oan cho mình thì họ phải tự nói lại, mình không cần đính chính. Vì họ nói oan làm người khác thương mình hơn và làm thiệt hại cho họ, người ta sẽ chán ghét họ, bỏ họ, không tin họ nữa.

Họ nói sai, lòng mình vẫn thanh thản, coi đó là cơ hội tốt cho mình tu. Tu mà không gặp khó thì không chứng tỏ được mình thực tu.

Không ma khảo, không thành đại đạo. Đầu tiên là nội ma, tức ngũ âm ma bên trong mình phải bỏ trước và ngũ âm ma sanh ra phiền não ma. Khi an cư, có điều kiện đẹp ma hơn. Mình suy nghĩ, cân nhắc ý này, ra hạ, mình đi ra ngoài, gặp cản trở, gây khó, gọi là ma khảo, chúng ta kiểm tra lại, lo sửa mình. Nhờ nó khảo, mà mình biết con ma bên trong của mình vẫn còn. Và ma bên trong còn thì ma bên ngoài sẽ tới. Nhưng ma bên trong không còn, ma bên ngoài sẽ không tới nữa, vì họ cô nói nhiều mà cũng chẳng ai nghe.

Ma sắc ám luôn hiện diện, vì chúng ta có thân mới bị vật chất chi phối, hành hạ, nghĩa là còn kẹt ăn uống, ngủ nghỉ. Vì bốn cái ăn uống ngủ nghỉ hành hạ, thọ uẩn mới khởi lên, thì nghe họ nói tốt, mình vui, họ nói xấu, mình buồn. Vui buồn là phiền não ma.

Trước không có sắc thân nếu mình ở thế giới Phật, thế giới chư thiên. Nhưng bây giờ hiện sắc thân rồi thì phải lệ thuộc vật chất. Cho nên mình tập không lệ thuộc vật chất nữa là phá được phiền não ma, một là ma tham, hai là ma sân. Vì tham sân này không có cơ hội sanh ra bởi mình lìa được thân vật chất, thì

thân tinh thần không bị lệ thuộc, nên phiền não không phát sinh, là lòng tham, lòng bực tức không khởi.

Còn có thân vật chất rồi, khởi lên thân phiền não và từ thân phiền não mới khởi lên thân nghiệp chướng, cho đến sanh ra trần lao là quá nặng rồi.

Rõ ràng có thân vật chất mới có thân nghiệp chướng sanh. Như người không nghiện rượu mà tập uống rượu là đã tạo thành thân nghiệp nghiện rượu và bị nghiệp thức đó hành hạ. Nếu không có thân tất nhiên không thể uống rượu và cũng không có nghiệp nghiện rượu.

Trong kinh nói có đám ngạ quỷ thưa với Phật rằng họ đói quá, khát quá. Phật nói cơm đây, con ăn đi, nước đây, con uống đi, thì chúng hết đói, hết khát.

Nghiệp thuộc tâm bên trong và chết, nghiệp sẽ dẫn họ đi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghĩa là nghiệp không có thực. Mình có thân này, nhưng không tạo nghiệp nên mình không còn nghiệp là sáu phiền não căn bản và hai mươi một tùy phiền não đã hết sạch.

Ta tu ở trong chánh niệm, chánh định, không có phiền não này. Nhưng đụng chạm với cuộc đời thì phiền não bộc phát.

Cụ Mai Thọ Truyền nói rằng các thầy lần chuỗi trông hiền lắm, nhưng nổi nóng thì không ai bằng! Ở trên mạng có đưa hình ông sư đi khát thực nổi nóng trông kinh dị hơn người thường.

Nhờ cụ Truyền nói, tôi cân nhắc ý này, lúc đó thiệt mình dễ nổi nóng, vì tranh đấu làm sao không nổi nóng. Nhưng sợ đọa, tôi bỏ lần tách nóng.

Trong thiền định, trong chánh niệm, chánh định không nổi nóng. Nhưng ra thực tế, nếu

thấy còn nổi nóng, mình phải trở lại ốc đảo thiên định, cho đến khi đụng chạm cuộc đời, không nổi nóng, không bị cám dỗ mới hành Bồ-tát đạo được.

Nhiều người chưa đoạn sạch nghiệp mà muốn cứu độ chúng sanh, coi chừng bị đọa. Vì vậy, Phật khuyên A-la-hán hết nghiệp mới vào đời độ sanh.

Mình còn nghiệp, thử đi vào đời, nếu thấy đụng chạm mà tâm mình vẫn bình thường được thì mình làm. Nhưng phải biết rằng ra ngoài đời sẽ thấy không có gì tốt đẹp giống như trong tưởng tượng của mình. Vì thế, tôi luôn tâm niệm rằng không ham muốn bất cứ cái gì, không còn lòng tham gì.

Ở trường chúng ta lúc nào cũng có thức ăn, nhưng giả sử một ngày nào đó, không có gì ăn thì quý vị hãy kiểm xem tâm mình có giận không, có buồn không. Vì có thử thách mới biết ý chí người tu.

Mình còn nghiệp, thử đi vào đời, nếu thấy đụng chạm mà tâm mình vẫn bình thường được thì mình làm. Nhưng phải biết rằng ra ngoài đời sẽ thấy không có gì tốt đẹp giống như trong tưởng tượng của mình. Vì thế, tôi luôn tâm niệm rằng không ham muốn bất cứ cái gì, không còn lòng tham gì.

Ở trường chúng ta lúc nào cũng có thức ăn, nhưng giả sử một ngày nào đó, không có gì ăn thì quý vị hãy kiểm xem tâm mình có giận không, có buồn không. Vì có thử thách mới biết ý chí người tu.

Phước báu của Đức Phật vô lượng, Ngài không thiếu gì và cũng không cần gì, nhưng Ngài muốn tạo thử thách cho đại chúng tu, nên có một mùa an cư, không ai cúng dường.

Đức Phật dạy các thầy rằng không có thức ăn thì không quan tâm đến ăn sẽ không thấy

đói. Và quả nhiên, chỉ trong hai ngày, ba ngày sau, đại chúng không làm gì, không ăn uống, không đi vệ sinh, dùng toàn thời gian vào định, miên mật trụ định, thì nhiều người đã đắc Thánh quả, mặc dù năm đó cũng đói kém, khổ sở. Nhưng cũng có nhiều người bỏ tu. Đó chính là thước đo lòng người, người tu giả khi không có quyền lợi thì họ bỏ tu. Người tu thực, có chí tu, nương Phật, đắc quả, nên đàn-việt cúng dường quả nhiều.

Bấy giờ Phật bảo các thầy nhận đủ thôi là nhận một bát thức ăn và một y, không nhận dư, vì phước các thầy đã sanh. Phước chưa có thì người xem thường, hưởng chi là cúng. Nhưng đắc quả, ta không cần ăn uống, người sẽ đem cúng. Mình còn cần mà người cúng, mình là con nợ.

Vì vậy Phật giáo có lúc thịnh thì có Thánh tăng ra đời, họ có phước đức đầy đủ, người kính trọng và họ đưa Phật giáo đi lên.

Và khi Phật giáo đi lên đến đỉnh cao nhất thì nhiều người rủ nhau đi tu, hay tự sấm y đi khát thực. Thành phần này quá đông sẽ có pháp nạn.

Thật vậy, khi Phật tại thế, có mùa an cư mà chúng Tăng phải đói. Nhưng Phật vào Niết-bàn, vào thời vua A Dục, người xuất gia chính thức và cả người xuất gia không chính thức đều có nhiều. Hoặc ở Việt Nam, năm 1963 cũng có pháp nạn. Chính quyền bắt các thầy tu, nên họ trốn, bỏ tu. Riêng tôi và chư vị thực tu, khi bị bắt nhốt trong tù, không làm gì, thì đây là cơ hội nhập thất để thực hiện pháp Phật chưa làm được, khác với người thường bị ở tù thì oán hận, khổ đau thêm.

Và khi chế độ sau năm 1963 thay đổi, những người chân tu này trở thành người đáng kính trọng trong xã hội thì chính quyền cho phép người tu không đi lính.

Có thể thấy khi nhiều người cao đầu đi tu, bấy giờ trong hiện tượng tốt đã có mầm mống xấu. Thực tế là khi Phật giáo chúng ta bị đàn áp năm 1963, có cao tăng, nhưng về sau, đi tu là trốn lính. Vì thế, sau năm 1975, những người tu để trốn lính hoàn tục hết. Ở chùa Ân Quang có cả trăm thầy, nhưng chỉ sau một đêm, chỉ còn vài chục thầy.

Gặp hoàn cảnh sung sướng, có nhiều quyền lợi, đi tu chưa chắc tu thiệt. Tu thiệt cốt đoạn được phiền não ma, mình không phải ma tăng. Còn ham ăn mặc, chỗ ở là ma tăng. Kinh nói thời mạt pháp, ma vương sai ma con đi phá đạo.

Tu hành, lòng còn ham muốn, phải tự biết mình là ma, phá đạo thì sẽ hiện tướng tham khiến ai cũng ghét. Ma này chính ở trong lòng chúng ta. Và nếu chúng ta quyết tâm tu, diệt được ma tham rồi, người sẽ nhìn mình khác.

Thực tế cho thấy người tu đi vào thôn xóm bán nhang, cứ kêu gọi người ủng hộ chùa bằng cách mua một ộp nhang chỉ đáng giá mười đồng nhưng bán giá cao hơn nhiều, trong khi thực sự nhang đó chỉ có khói gây độc hại. Đây là ma tăng làm mất uy tín Phật giáo, họ còn nhiều ham muốn, làm sai trái, nên loại bỏ, nếu họ không sửa đổi. Kinh nói những người này ra khỏi thế giới người tu cũng tốt, vì chúng ta chỉ cần hạt chắc.

Ma với Phật như bề trái và bề mặt của bàn tay. Con người trong sạch sống theo pháp Phật ví như hoa sen tỏa hương thơm cho đời. Con người bất tịnh, đầy tội lỗi, chỉ hại người là ma.

Tham, sân, si tất yếu phải đoạn. Chư thiên còn đoạn được tham, sân, si. Chẳng lẽ Tỳ-kheo không đoạn được sao.

Hết tham, sân, si còn phải gia công thiền

định, giữ chánh niệm, trụ chánh định. Lên đến Sắc giới là được Ly sanh thì đồng với Sơ quả của hàng Thanh văn.

Đạt được pháp Ly sanh, không bị thân vật chất chi phối, vì tinh thần chúng ta ở trong định. Tinh thần thì không cần ăn và không đói. Người ta đói cái bụng là đói thiệt thì phải ăn, không ăn sẽ chết. Nhưng đói con mắt, đói cái tâm là nghiệp, không phải đói thiệt.

Tu hành, phát tâm sống trong pháp Phật là lìa vật chất, nên tâm không biết đói.

Quý vị vào thiền định, vào Diệt tận định, thì thân đói, nhưng tâm không đói. Vì thân còn đói thì phải bổ sung thức ăn cho nó, nên chỉ có thể nhịn đói đến mức độ nào thôi, nhịn đói nhiều hơn nữa là chết.

Như Hòa thượng Trí Quang khi đã tuyệt thực một trăm ngày trước công viên Dinh Độc lập, ngài nhận được giáo chỉ của Đức Tăng thống không cho phép tuyệt thực nữa. Cơ thể ngài đã suy nhược cao độ, phải bé lên xe đưa vô bệnh viện truyền nước biển ngài mới sống.

Người tu hay người thường đều nhịn ăn được ba ngày. Nhịn được như vậy, tâm mình sẽ nhàn hạ luôn 24 tiếng một ngày, mới còn thì giờ để sống trong tư duy, may ra mình thấy được những gì bình thường không thấy.

Phải ở chỗ vắng mới nhập thất được. Nhập thất kín không có người hầu cơm, để tu cao hơn. Nhưng tu cao thiệt, trong 24 tiếng phải khám phá được pháp gì mới là cao.

Còn ngồi suốt, chỉ được Diệt tận định, mà Tổ quả như than nguội, củi mục, không được gì.

Tôi nhập định thường suy nghĩ những gì

trong kinh *Bát-nhã*, kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Pháp hoa*. Từ suy nghĩ này, mình có thể thâm nhập Phật huệ. Có người nói như vậy là tướng tri, không phải tuệ tri. Đối với tôi, tướng tri cũng được.

Tôi tụng kinh *Pháp hoa*, ngồi yên suy nghĩ Phật vào Niết-bàn, Ngài về đâu?

Nhớ lại kinh *Nguyên thủy*, kinh *Niết-bàn*, chủ yếu chỉ nói khi Phật Niết-bàn, Ngài vào Sơ thiên cho đến bát định, rồi Ngài trở về Ngũ tịnh cư thiên, Phật biến mất. Nhưng chẳng lẽ Phật biến mất rồi, Phật chết luôn sao.

Tôi suy nghĩ tới Ngũ tịnh cư thiên, Phật đi đâu? Tôi nghĩ rằng tới đây, Phật vào Thật báo trang nghiêm Tịnh độ. Ý này được Hòa thượng Nhất Hạnh, lúc còn sanh tiền, có lần nói với tôi rằng anh em mình đi tìm Phật, là phải lên Ngũ tịnh cư thiên. Nghĩa là phải lột vô thế giới vô phiền, vô nhiệt, thiện hiện, thiện kiên và sắc cứu cánh, mới vô Thật báo trang nghiêm được.

Trên bước đường tu, thực sự chúng ta phải đạt được pháp nào đó theo Phật dạy, mới nhập Thánh siêu phàm. Còn nếu không, giậm chân tại chỗ. Nhưng cố gắng ít nhất, đời này chúng được Sơ quả thì đời sau tu, chúng ta sẽ không thoái tâm, không ô nhiễm và từ đây dễ dàng đi lên.

Tái sanh, mang thân người có nghiệp người, nhưng không có tâm người phàm, có được tâm của hành giả chứng Ly sanh thì cuộc đời không có sức cảm dỗ, tự biết mình đã đi tới Sơ quả, hãy nỗ lực tiến tu dưới sự gia trì lực của Phật, Bồ-tát, chắc chắn đạo hạnh, đạo quả thăng hoa như ý.

Cầu Phật gia hộ quý vị đạt được thấp nhất là Sơ quả để đời sau tiếp tục tu cho đến ngày thành Phật.

(Phiên tả từ nội dung pháp thoại cho Tăng Ni sinh viên Học viện Phật giáo VN tại TP.HCM, Lễ Tự tứ Phật lịch 2568 [2024])

Hòa thượng Thích Trí Quảng/Báo Giác Ngộ

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Bà Chúa Xứ

Thuở xưa có một anh chàng xấu xí kia, con nhà nghèo, thất học phải sinh sống bằng nghề khuân vác mướn ngoài chợ. Người ta gọi anh là thằng Bu.

Bu làm việc siêng năng giỏi giẩn nên cuộc sống của anh không lấy gì làm chật vật cho lắm. Có điều anh rất buồn khi chung quanh chẳng có ai coi trọng nề vì anh hết. Cũng như hầu hết mọi người, anh thèm thường được quyền uy, lòng ái mộ khát ngưỡng của đồng loại. Mặt mũi anh đã không thuộc loại đẹp trai, anh lại không có một làn hơi thiên phú để ca vọng cổ hay tân nhạc, nên anh không thể tiến thân bằng con đường văn nghệ. Anh lại tứ cố vô thân không tiền của nên khó mà mua danh vọng chức tước, chữ nghĩa lại chẳng bằng ai... Vậy thì phải làm cách nào cho thiên hạ ngán mình đây? Suy nghĩ suốt một đêm chàng Bu nảy ra một sáng kiến.

Một hôm, sau vài ly ba xì đế, Bu đến ngồi trước miếu Bà Chúa Xứ, một vị thần không được thiêng cho lắm, nên nhang tàn khói lạnh, mỗi năm chỉ được người ta cúng cho một lần. Bu đến trước cửa miếu, ngồi lắc lư ợ ngáp liên hồi... Ban đầu chỉ có bọn trẻ con tụ tập chung quanh anh sau đó là các

bà vô công rồi nghề, rồi dần dần có đến cả hội đồng bô lão của làng nữa. Người ta nhìn nhau thì thầm:

- Bà về! Bà về!

Vài mục đàn bà góp ý:

- Khoảng nửa tháng nay đêm nào tôi cũng thấy có cục lửa to xẹt lên xuống ngang chòm cây này. Tui sinh nghi trong bụng mà không dám nói ra chớ.

Mỗi người góp một ý, vàng hương hoa quả được mang đến và chàng Bu nghiêm nhiên thành cái xác của Bà Chúa Xứ.

Từ đó, Bu không còn phải đi khuân thuê vác mướn nữa, người gọi anh bằng “Bà,” bằng “Ngài,” xúm xít cười và lả, đón rước những lời nũng nịu, õng ẹo thốt ra từ đôi môi xạm xỉt của Bu. Anh mặc áo lụa quần sa ten trắng, đi hài cườm, thoa son phấn và đeo đồ trang sức.

Một tháng sau, Bu đã có vô số người ái mộ, những kẻ trước kia dòm Bu chỉ bằng nửa con mắt bây giờ lại kính cẩn lễ bái đón nhận từng mệnh lệnh của anh. Người ta đến xin bùa phép của anh để mua may bán đắt, để được sinh con trai, con gái, đánh đề, đánh bạc, đua ngựa, đá gà v.v... Bởi vì chư Phật và Bồ Tát thường ít khi chịu khó chịu lòng những tham vọng ấy của chúng sanh, thánh thần thì bận thương thiên phạt ác, ma quỷ thì đòi ăn hối lộ. Duy có anh Bu không đòi hỏi gì cả, ngoài việc ước mong được thiên hạ chịu chuộng, tâm bốc vuột ve lòng tự ái của mình.

Ba tháng trôi qua, những cuộc lên đồng cầu đảo bất kể đêm ngày đã khiến Bu xuống sắc rõ rệt. Lốp sơn phấn dày cộm không che khuất đôi mắt đầy quầng đen. Càng đông

người tín mộ, anh càng phải lên đồng thật xuất sắc... Anh không còn đủ thì giờ để ăn uống ngủ nghỉ... Những lúc mệt quá, anh cũng muốn nghỉ ngơi “thăng” đồng để trở lại đời sống bình thường của anh... nhưng những lúc ấy anh phải trở lại chấp nhận cái bản thân bình thường thấp kém của anh Bu khuân vác mướn, một điều mà anh muốn chối bỏ, anh phải chịu đựng những ánh mắt lạnh nhạt khinh bỉ của người chung quanh. Người ta sẽ gọi anh bằng “thăng,” bằng “mày.” Vì thế, dù mệt mỏi anh vẫn phải đồng hóa mình với Bà Chúa Xứ, một nhân vật do cư dân trong vùng lập ra và tôn thờ, chỉ ăn hương, uống hoa, sống bằng giọng đàn, tiếng địch cùng lời xưng tụng của người chung quanh.



Bắc Cầu

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

*Con chim
làm tổ cành đa
Phật ngồi tát cạn
ái hà dòng sâu
Đường đời
cha bắc nên cầu
Cho con xuôi ngược
xe tàu công danh!*

CHÁNH NGŨ

TRONG THỜI LOẠN THÔNG TIN

Nguyễn Cần



Những phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng là mảnh đất màu mỡ cho đủ loại thông tin, là nơi để một số người tha hồ bịa đặt, dựng chuyện, bé xé ra to và lan đi với tốc độ kinh khủng. Họ vui dập lẫn nhau và giết nhau bằng ngụy ngữ, vọng ngữ, ngoa ngữ...

"Hiện tượng câu view, câu like trong báo chí đã khiến cho các tòa soạn, người viết đôi khi bám vào ‘miếng’ thông tin xấu từ một ngôi chùa, vị tu sĩ nào đó để đẩy sự việc đi xa. Một đốm lửa nhỏ, một ‘con sâu’ bị biến thành chất liệu đưa tin, tô đậm bởi liều lượng và nâng quan điểm khiến dư luận ngộ nhận, hiểu lầm đó là Phật giáo trong khi chỉ là cá nhân. Đó có thể xem là sự cực đoan khi thông tin về Phật giáo... và cảnh giác “tránh làm cho đốm lửa lan ra thành đám cháy cả rừng cây”, vấn nạn này đã từng được tác giả Lưu Đình Long đề cập trên báo *Giác Ngộ* (số 1207, 23-6-2023). Điều đó là vấn nạn không chỉ với Phật giáo, mà là hiện tượng cho xã hội gần đây, khiến không ít người điêu đứng và gây nên

nhều hệ lụy.

Cách đây hai năm, cũng trên *Giác Ngộ*, khi đặt vấn đề “Khủng hoảng truyền thông hay khủng hoảng đạo đức?” trên mục *Điểm nhìn*, chúng tôi cũng từng nhận định, rằng gần đây trên các trang mạng xã hội đã dấy lên một cuộc chiến bằng hình thức livestream... vì liên quan đến những nhân vật mà chúng ta quen gọi là “celebrities”, những người nổi tiếng trước công chúng, những người thành đạt trong nghề nghiệp của mình... Họ bóc mẽ nhau và đào bới những góc khuất sau ánh hào quang của nhau ra trước công chúng... gây sóng gió ồn ào thị phi và họ gây ra khủng hoảng truyền thông hay chính họ đang bị khủng hoảng đạo đức khi bóp méo sự thật khiến công chúng mất niềm tin.

Luật sư Ngô Tiến Nhân cũng từng cho rằng chúng ta đang sống trong một bê thông tin với nhiều sự thật bị bóp méo nên dần dần niềm tin xã hội và niềm tin giữa con người bị bào mòn. Vấn đề đáng quan tâm đã được anh nêu ra, đó là “Chúng ta quen với sự dối trá, sự nói dối đến mức mà chúng ta gặp người trung thực, gặp những sự việc rất thật nhưng chúng ta vẫn hoài nghi”.

Khủng hoảng đạo đức

Những phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng là mảnh đất màu mỡ cho đủ loại thông tin, là nơi để một số người tha hồ bịa đặt, dựng chuyện, bé xé ra to và lan đi với tốc độ kinh khủng. Họ vui dập lẫn nhau và

giết nhau bằng nguy ngữ, vọng ngữ, ngoa ngữ...

Như vậy sự kiện bêu rêu nhau trên mạng nghĩ cho cùng do họ thiếu tự trọng, hay thiếu lòng nhân ái khi muốn đim người khác xuống bùn đen vì lý do nào đó.

Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông vừa điểm ra 3 nhóm lừa đảo chính với 16 hình thức lừa đảo thường xuyên diễn ra trên không gian mạng Việt Nam, qua đó giúp người dùng nhận biết để phòng tránh, tính riêng trong năm 2022, có 3 nhóm lừa đảo chính (giả mạo thương hiệu, chiếm đoạt tài khoản và các hình thức kết hợp khác).

Theo ghi nhận từ Công Cảnh báo an toàn thông tin Việt Nam, năm qua đã ghi nhận hơn 12.935 trường hợp lừa đảo trực tuyến, với 2 loại hình lừa đảo chính: Lừa đảo để đánh cắp thông tin cá nhân (chiếm 24.4%) và lừa đảo tài chính (chiếm 75, 6%). Việc lừa đảo đánh cắp thông tin cá nhân cũng là bước đệm để tiếp nối cho việc lên kịch bản thực hiện lừa đảo tài chính.

Theo ước tính, Việt Nam hiện có hơn 70 triệu người sử dụng internet. Trong giai đoạn này mạnh và tăng tốc chuyển đổi số hiện nay, các đối tượng xấu đã lợi dụng sự bùng nổ về công nghệ thông tin, những tiện ích mà công nghệ thông tin mang lại để thực hiện nhiều vụ lừa đảo trực tuyến, chiếm đoạt tài sản có giá trị cao.

Nhà văn Nhật Chiêu đã nhìn nhận ngoài sự nói dối, còn có vấn đề đạo văn. Ông nói từng cay đắng cho rằng “Và điều kinh khủng xảy ra bao nhiêu năm nay là hiện tượng đạo văn, đây là sự nói dối thật sự rất kinh khủng. Lấy văn của người khác và

nói là của mình. Các bạn đã đạo văn nhưng thái độ sau khi bị phát hiện rất là buồn cười và bi hài. Hầu hết đều không xem chuyện mình đạo văn là nhục nhã, là sai lầm. Mà đều cho đó là chuyện bình thường, là điều tất nhiên và thậm chí nói trước hội đồng là việc mà tìm tài liệu, ghi nhận được các tài liệu và chép lại thì đó đã là nghiên cứu, là đã bỏ ra rất nhiều công sức, mồ hôi và nước mắt để có được. Chuyện này thật không thể nào tưởng tượng được. Các bạn nói dối mà cho đó là đạo đức chứ không phải là điều gì đó đáng phê phán”. (*Cuộc sống càng văn minh, con người càng nói dối nhiều hơn, Thanh Niên, 25-5-2019*)

Nhà văn Nhật Chiêu cũng phân tích thêm, thời đại càng văn minh thì sự nói dối và tội ác càng dễ hơn vì ngày xưa nếu giết một người là cầm dao, gươm đâm chém và cảnh tượng tuôn máu xối xả ngay trước mắt khiến bạn run sợ và ngại làm điều đó. Còn ngày nay chỉ cần ngồi ở trong phòng và chỉ cần ấn một nút là có thể giết hàng trăm người hoặc nhiều hơn thế nữa.



Thời đại càng văn minh thì sự nói dối và tội ác càng dễ hơn vì ngày xưa nếu giết một người là cầm dao, gươm đâm chém và cảnh tượng tuôn máu xối xả ngay trước mắt khiến bạn run sợ và ngại làm điều đó. Còn ngày nay chỉ cần ngồi ở trong phòng và chỉ cần ấn một nút là có thể giết hàng trăm người hoặc nhiều hơn thế nữa.

Làm thế nào...?

Microsoft đã lập ra dự án chiến đấu chống

thông tin sai lệch trực tuyến .

Tập đoàn công nghệ này hợp tác với tổ chức phi lợi nhuận Trust Project vào năm ngoái để đề xuất các công cụ giúp người dùng tìm kiếm các nguồn tin đáng tin cậy.

Trust Project là một nhóm các tổ chức tin tức liên kết.

Microsoft và Trust Project đã tạo ra quảng cáo để dẫn dắt người dùng internet đến danh sách 8 “chỉ số tin cậy” có thể được sử dụng để đánh giá các trang web. Một chỉ số là xác định rõ ràng ý kiến trong văn bản. Những chỉ số khác cung cấp hướng dẫn để nhận biết những bản tường thuật tốt, phát hiện những thiên kiến và tìm kiếm nguồn tin chất lượng.

Microsoft cho biết hầu hết những người đã từng nhìn thấy chỉ số này cho biết bản hướng dẫn đã giúp họ cải thiện khả năng đánh giá xem nguồn tin trực tuyến nào đáng tin cậy và nguồn tin nào chứa thông tin sai lệch. “Giai đoạn này là một thử nghiệm đối với chúng tôi”, Ginny Badanes, giám đốc Chương trình *Sáng kiến hướng về Dân chủ* của Microsoft nói. Badanes cho biết với The Associated Press, “Thế giới đang thay đổi rất nhanh và mọi người cần các công cụ để trang bị cho mình. Các dịch vụ như Twitter, Facebook và YouTube đã bị chỉ trích vì kích động sự chia rẽ chính trị và làm giảm niềm tin vào hệ thống dân chủ”.

Hiện đã có nhiều nỗ lực nhằm chống lại thông tin sai lệch trực tuyến. Điều này bao gồm các dịch vụ kiểm chứng nhanh sự thật. Những dịch vụ này cố gắng kiểm tra các câu chuyện tin tức thu hút sự chú ý của công chúng và giải thích xem chúng có đúng hay không. Tuy nhiên, các dịch vụ này đòi hỏi nhiều nghiên cứu và

người thực hiện, không được nhiều người biết đến và không có khả năng thuyết phục những người mất niềm tin vào mạng xã hội.

Một cách khác để chống lại thông tin sai lệch trực tuyến là thông qua nỗ lực tiết chế của các công ty công nghệ. Tuy nhiên, những nỗ lực này chưa thể làm hài lòng nhiều nhà phê bình dịch vụ truyền thông xã hội. Và những nỗ lực lập pháp để ép buộc các công ty công nghệ tự thực hiện công tác tự kiểm duyệt cũng tiến triển chậm.

Ngoài ra còn một số biện pháp khác như nâng cao kỹ năng tư duy phản biện và hiểu biết về truyền thông đa phương tiện đã cho thấy sự thành công. Những biện pháp này nhằm giúp mọi người học cách nhận biết thông tin sai lệch. Năm ngoái, Google đã tung ra một loạt video trên YouTube ở Đông Âu nhằm giảng dạy cho mọi người cách thông tin sai lệch hoạt động. Chiên dịch đó gần đây đã được mở rộng sang Đức. Sally Lehrman là một phóng viên và giám đốc điều hành Trust Project. Bà nói với AP rằng có nhiều dấu hiệu nhận biết những tổ chức cung cấp tin trung thực. Những tổ chức này sẽ nhận diện nguồn tin, làm đa dạng hóa tiếng nói và yêu cầu nhân viên tuân thủ quy luật đề ra nhằm mục đích cung cấp các bản tin chất lượng cao.

Lehrman cũng nói rằng nhu cầu về những chương trình mở rộng hiểu biết truyền thông cho quần chúng cần phải đẩy mạnh tăng nhanh vì những công cụ như trí tuệ nhân tạo dễ dàng tạo thông tin giả và truyền bá rất mau. Nói cách khác, truyền thông phải đặt cơ sở và niềm tin vào chánh ngữ dù trong bất kỳ hoàn cảnh và thời đại nào.

Vì sao Chánh ngữ luôn cần cho đời sống?

Chánh ngữ là một trong trong 8 chi phần, nguyên tắc sống đưa đến hạnh phúc, được gọi là Bát Chánh đạo. Đó là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Về mặt tích cực, Đức Phật cũng dạy rằng chúng ta phải tu tập để có những lời nói chân thật, hòa hợp, dịu dàng và có ý nghĩa xây dựng, đem lại an vui cho chính mình, cho người khác và môi trường sống. Khi thực tập được những lời nói này, chúng ta được nhiều người quý mến. Để đáp lại, họ sẽ lắng nghe những gì ta nói ra, và sẽ đáp ứng thân thiện và xây dựng.

Trong *Tăng chi bộ*, Đức Phật dạy:

“Có bốn pháp tịnh hạnh về lời nói:

Ở đây, có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Nếu không biết, người ấy nói: “Tôi không biết”; nếu biết, người ấy nói: “Tôi biết”; nếu không thấy, người ấy nói: “Tôi không thấy”; nếu thấy, người ấy nói: “Tôi thấy”. Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

Người ấy đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi. Nghe điều gì ở chỗ này, người ấy không đi đến chỗ kia nói, để gây chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, người ấy không đi nói với những người này, để gây chia rẽ ở những người kia. Như vậy người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Người ấy đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác. Người ấy chỉ dùng những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người.

Người ấy đoạn tận lời nói phù phiếm. Người ấy nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích”. Đó cũng là bốn thiện nghiệp về khẩu trong mười thiện nghiệp (thập thiện nghiệp) mà Đức Phật thường giảng dạy cho các vị đệ tử cư sĩ.

Trong kinh *Lời nói*, Đức Phật giảng năm yếu tố của một lời nói thiện lành như sau:

“Thành tựu năm chi phần, này các Tỳ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những bậc hiền trí chỉ trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời đem đến lợi ích, nói với từ tâm”.

Đức Phật chê trách những cuộc nói chuyện huyền thuyên, phí thời gian vô ích. Những lời gièm pha và đồn đãi không đem đến lợi lạc gì, vì chúng làm quấy động sự yên tĩnh và định tâm. Ngài cũng giảng thêm rằng người ta không thể trở thành bậc trí chỉ vì nói nhiều, cũng không phải vì nói nhiều mà người ta được gọi là bậc thông suốt Pháp (Dhammadhara), như trong các *Pháp cú*, kệ 100 sau đây:

“Dù nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc”.

Trong tiếng Pāli, từ “Mâu-ni”(Muni) trong danh hiệu của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni” (Sakya Muni) cũng có nghĩa là người luôn giữ sự yên lặng (bậc Tịch tịnh), thường được dùng để gọi một vị thánh. Đức Phật thường khuyên các vị tu sĩ đệ tử rằng:

“Này các Tỳ-kheo, khi quý vị hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: Một là đàm luận về Chánh pháp, hai là giữ sự im lặng của bậc thánh” (*Phật tự thuyết*).

Tóm lại, lời nói có một ảnh hưởng vô cùng quan trọng, không những tác động đến đời sống hạnh phúc của mỗi cá nhân mà còn có thể tác động đến sinh hoạt của xã hội. Nếu có tinh giác và định hướng tốt, lời nói qua các cuộc đàm luận, giao tiếp hằng ngày, sẽ mang đến nhiều lợi ích cho sự tu tập của những người con Phật chúng ta. Chính vì thế mà Đức Phật đã đưa Chánh ngữ vào Bát Chánh đạo.



Mỗi lời nói của chúng ta dù là nghiêm túc hay đùa cợt cũng sẽ ảnh hưởng một thay đổi nào đó trong cuộc sống. Có những lời nói sẽ cứu giúp được cuộc đời của một con người. Vì vậy mỗi khi quyết định nói ra điều gì mỗi người cần phải tự đặt địa vị của mình vào nghe xem liệu những gì ta sắp nói ra có làm họ phiền lòng không. Và hãy nói làm sao cho người dễ tiếp nhận nhất chứ đừng cau có, gắt gỏng, thóa mạ hay xúc phạm nhau.

Thực tập Chánh ngữ có quá khó?

Trước hết, để duy trì Chánh ngữ, sống trong thế giới thông tin bùng nổ, cần tinh giác, khi tiếp nhận thông tin và có một thái độ, hành động liên quan, chúng ta thực hiện một số biện pháp sau đây:

Xác minh thông tin: Trước khi chia sẻ thông tin, hãy xác minh tính xác thực của nó. Kiểm tra nguồn gốc và tin cậy của thông tin trước

khi tin tưởng và lan truyền, bình luận hay đơn giản là bày tỏ thái độ, cảm xúc. *Đọc và nghiên cứu đa chiều:* Hãy nghiên cứu từ nhiều nguồn tin khác nhau và có quan điểm khác nhau để có cái nhìn toàn diện về một vấn đề. Tránh dựa vào một nguồn tin duy nhất để tránh thiếu sót thông tin và đánh giá sai. Chúng ta không dễ bị lừa đảo trực tuyến nếu suy luận nhiều hướng ví dụ giả danh công an hăm dọa thì không có gì sợ vì công an muốn làm việc phải qua công an khu vực và tổ trưởng dân phố.

Suy luận logic: Sử dụng khả năng suy luận để xem xét thông tin một cách khách quan. Hãy phân tích và đánh giá các bằng chứng và lập luận được đưa ra trong thông tin để xác định tính hợp lý và đáng tin cậy của nó.

Không chia sẻ thông tin không kiểm chứng: Tránh chia sẻ hoặc lan truyền thông tin mà tự thân không thể xác minh tính chính xác của nó. Chia sẻ thông tin sai lệch chỉ làm gia tăng sự lan truyền thông tin không đúng đắn.

Đóng góp vào việc lan truyền thông tin chính xác: Để đối phó với thông tin sai lệch, hãy đóng góp vào việc lan truyền thông tin đáng tin cậy và chính xác. Chia sẻ nguồn tin đáng tin cậy và hỗ trợ những nỗ lực để tạo ra nền tảng tin tức đáng tin cậy trên internet và phương tiện truyền thông xã hội.

Giáo dục về truyền thông: Tăng cường giáo dục về truyền thông và phân biệt thông tin cho mọi người theo cách Microsoft đang làm.

Trang bị kiến thức về phân biệt thông tin: Hãy cập nhật và nâng cao kiến thức của bạn về các phương pháp phân biệt thông tin, nhận dạng thông tin sai lệch và xác định nguồn tin đáng tin cậy. Điều này giúp bạn trở nên nhạy bén và kháng cự với thông tin sai lệch.

Phải giữ chánh ngữ trước những sóng gió của dư luận là một việc khó khi ta dễ bị cuốn theo xu hướng (đu “trend”) để sỉ nhục hay phê phán ai đó không giống như mình nghĩ, và khi đó tránh rơi vào “bão tố truyền thông” để có thể phải ngâm ngùi trong vòng lao lý.

Như vậy chúng ta thấy vấn đề truyền thông sẽ không trở thành khủng hoảng khi con người biết sống khép mình trong giới hạn đạo đức mà hành xử, xét nét công tội kẻ khác cũng trong tinh thần hữu ái, tương thân, khoan dung và bảo ban nhau sống tốt hơn, đẹp hơn, mang tính xây dựng nhiều hơn.

Giữ Chánh ngữ trước bão tố truyền thông là hành động và quan điểm mà một người, tổ chức, hoặc kể cả chính phủ đưa ra trước, trong hay sau khi một cuộc bão tố truyền thông đổ bộ. Trong bối cảnh này, “bão tố truyền thông” ám chỉ một cuộc tấn công trên mạng liên quan đến một vấn đề cụ thể, thường là có tính tranh cãi hoặc gây tranh chấp. Phải giữ quan điểm chính luận chống lại mọi xuyên tạc có ý đồ khác hoặc câu view như đã nói ở trên.

Đây là một phần quan trọng trong chiến lược truyền thông và quản lý thông tin của một cá nhân hoặc tổ chức. Mục đích của Chánh ngữ là định hình và kiểm soát cách mà một thông điệp hoặc tin tức được truyền đạt cho công chúng, trong nỗ lực tạo ra ảnh hưởng tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực của cuộc bão tố truyền thông với các kỹ năng mà bất cứ ai cũng cần biết.

Một điều mà chúng ta cần lưu ý là tránh tranh cãi và căng thẳng. Tránh tranh cãi không cần thiết và không để bị cuốn vào căng thẳng với các bên liên quan. Sử

dụng ái ngữ (những lời nói nhẹ nhàng, dễ nghe) giao tiếp với nhau. Người xưa thường có câu “Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Quả thật như vậy, mỗi lời nói của chúng ta dù là nghiêm túc hay đùa cợt cũng sẽ ảnh hưởng một thay đổi nào đó trong cuộc sống. Có những lời nói sẽ cứu giúp được cuộc đời của một con người. Vì vậy mỗi khi quyết định nói ra điều gì mỗi người cần phải tự đặt địa vị của mình vào nghe xem liệu những gì ta sắp nói ra có làm họ phiền lòng không. Và hãy nói làm sao cho người dễ tiếp nhận nhất chứ đừng cau có, gắt gỏng, thóa mạ hay xúc phạm nhau.

Nói phải đi đôi với lắng nghe, nếu chỉ biết nói theo ý mình mà không chịu lắng nghe người khác thì sẽ chẳng ai có thể chịu nổi ta. Học cách lắng nghe để thấu hiểu người khác hơn. Đồng thời chúng ta cũng là thấu hiểu chính mình xem mình thực sự cần gì và phải làm gì. Đức Dalai Lama nói: “Mục đích chính của chúng ta trong cuộc đời này là giúp đỡ người khác. Và nếu bạn không thể giúp họ, thì ít nhất đừng làm tổn thương họ”.

Tổng kết trong một nghiên cứu của Đại học Harvard trải qua 75 năm, để tìm hiểu điều gì quan trọng nhất làm nên hạnh phúc của con người chính là các mối quan hệ. Các mối quan hệ bền vững bao giờ cũng phải dựa trên sự chân thành chứ không phải sự dối trá. Nên muốn hạnh phúc, chúng ta phải dựa trên sự chân thành. Điều đó càng ý nghĩa hơn trong xã hội phức tạp ở kỷ nguyên số như hiện nay.

(Theo báo Giác Ngộ) “

Văn hóa bản địa và tương lai của Phật giáo ở Châu Phi Tâm Tuệ tổng hợp



Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự giao thoa văn hóa ngày càng mạnh mẽ, nhiều tôn giáo đã và đang tìm cách lan tỏa và hòa nhập vào các vùng đất mới. Một trong những hiện tượng đáng chú ý là sự phát triển của Phật giáo tại châu Phi.

Tuy nhiên, để Phật giáo thực sự bén rễ và phát triển bền vững tại châu lục này, việc kết hợp hài hòa với văn hóa bản địa là một yếu tố quan trọng.

Trong bối cảnh xã hội ở các nước Đông Á hiện đại, Phật giáo đang phải trải qua một sự suy giảm đáng kể về nhân khẩu học. Các số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ người trẻ tuổi trở thành Phật tử ngày càng thấp, số người trưởng thành theo Phật giáo từ thời thơ ấu và vẫn tiếp tục giữ truyền thống này rất ít. Một trong những nguyên nhân chính của sự suy giảm đó là sự thế tục hóa ngày càng

tăng trong xã hội.

Khi đời sống hiện đại phát triển, nhiều người trẻ tuổi tập trung vào công việc và các hoạt động giải trí hơn là tôn giáo. Phật giáo không còn giữ được vị trí trung tâm trong cuộc sống của họ như trước đây. Hơn thế nữa, sự hấp dẫn của công nghệ và văn hóa vật chất phương Tây đã làm cho nhiều người trẻ cảm thấy rằng Phật giáo không còn phù hợp hoặc hấp dẫn với họ nữa. Điều này dẫn đến một tình trạng đáng lo ngại cho tương lai của tôn giáo này ở các quốc gia như Nhật Bản và Hàn Quốc.

Tuy nhiên, trong khi Phật giáo đang suy giảm ở Đông Á, nó lại đang phát triển mạnh mẽ ở các khu vực khác trên thế giới, đặc biệt là ở châu Phi và Mỹ La-tinh. Sự lan tỏa này không chỉ giới hạn trong việc xây dựng các ngôi chùa và phát triển Tăng đoàn, mà còn

bao gồm cả sự hòa nhập và chấp nhận Phật giáo của cộng đồng địa phương.

Phật giáo đang phát triển ngày càng mạnh mẽ ở những quốc gia châu Phi và các khu vực khác trên thế giới, những nơi mà tưởng chừng như Phật giáo không thể truyền đến. Các tổ chức như Trung tâm Chăm sóc Amitofo (ACC) đang đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu và lan tỏa các giá trị của Phật giáo vào cuộc sống của người dân địa phương. Lesotho và Madagascar là hai ví dụ điển hình minh chứng cho sự phát triển này.

Ở Lesotho, giám đốc của ACC, Pearl Wu, thường xuyên làm việc với Chính phủ và các nhóm lợi ích bên ngoài để biến ACC và Phật giáo trở thành một phần không thể thiếu trong nỗ lực giảm nghèo và cải thiện giáo dục. Điều này cho thấy Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là một đối tác quan trọng trong phát triển xã hội.

Madagascar cũng chứng kiến sự phát triển tương tự, với người sáng lập ACC, sư Hui Li cũng đang xây dựng một trung tâm tu tập, thực hành và và học Pháp. Từ khi thành lập vào năm 2004, ACC đã tập trung vào các hoạt động nhân đạo, nhưng với việc kỷ niệm 20 năm thành lập, sư Hui Li mong muốn Phật giáo trở thành một phần không thể thiếu trong văn hóa địa phương của những người dân nơi đây.

Nếu xem Phật giáo như một thực thể có “biên giới” thì sẽ dẫn đến suy nghĩ về vấn đề thuộc địa, nhưng thay vào đó, nên đặt ra câu hỏi là làm thế nào Phật giáo có thể trở thành một phần của các quốc gia chủ nhà. Bởi vì Phật giáo ở châu Phi sẽ không giống với bất kỳ nơi nào khác, và điều quan trọng là phải đặt nguyên tắc về tính toàn diện, khoan dung và hòa hợp lên hàng đầu.

Một điểm tương đồng đáng chú ý là khái niệm “*ubuntu*” trong văn hóa châu Phi, mang ý nghĩa tương tự như ý tưởng Phật giáo về sự kết nối, duyên sinh. Trong tiếng Zulu, thuật ngữ này là “*umuntu ngumuntu ngabantu*”, được dịch thành một “*Tôi là bởi vì bạn*”. Điều này tạo cơ hội cho Phật giáo trở thành một phần của văn hóa địa phương thông qua đối thoại giữa các triết lý Phật giáo và thế giới quan cũng như nhân sinh quan của các vùng miền khác nhau ở châu Phi.

Trong khi đó, các quốc gia châu Phi như Madagascar và Lesotho cũng đang ở vị thế tương tự như khi các nhà sư Ấn Độ và Trung Á đầu tiên đến Trung Quốc. Sự tiếp xúc ban đầu có thể gây lúng túng và lạ lẫm, nhưng nhờ vào sự kiên nhẫn qua thời gian, Phật giáo có thể trở thành một phần quan trọng trong xã hội địa phương, giống như cách mà Phật giáo đã từng làm ở các nơi khác trên thế giới trong suốt chiều dài lịch sử.

Nhìn chung, Phật giáo đang có tiềm năng phát triển mạnh mẽ ở các quốc gia và khu vực mới, những nơi đó, nó có thể đáp ứng nhu cầu tìm kiếm hòa bình và ý nghĩa trong cuộc sống của người dân. Phật giáo có thể trở thành một phần không thể thiếu trong văn hóa và xã hội địa phương, mang lại lợi ích cả về mặt tâm linh và phát triển xã hội.

Tâm Tuệ tổng hợp/Báo Giác Ngộ



Phật giáo tại Úc Châu.

Thích Nguyên Tạng

Úc (Australia) là một quốc gia nằm ở Nam bán cầu. Thủ đô: Canberra. Diện tích 7,7 triệu km² bao gồm 6 tiểu bang (Victoria, New South Wales, Queensland, Tasmania, South Australia, West Australia) và 2 lãnh thổ (Australian Capital Territory, Canberra; Northern Territory, Darwin). Dân số: 24,583,652 triệu người (thống kê tháng 11/2017, theo abs.gov.au); tuổi thọ trung bình: 76,6 tuổi; trình độ văn hóa cấp II: 99%; thể chế chính trị: Quân Chủ Lập Hiến; thu nhập bình quân đầu người: \$44, 598, theo World Bank 2012). Úc rất giàu tài nguyên khoáng sản như vàng, bauxid, sắt, kẽm, đồng, kim cương, than, uranium, dầu khí, thiếc, ngoài ra đất đai và khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Úc được xếp vào 7 nước hàng đầu thế giới về số lượng lao động có kỹ năng, số chuyên gia về công nghệ thông tin, tài chính và cơ khí.

Phật giáo là một trong bốn tôn giáo chính ở Úc bao gồm Gia Tô giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo. Phật giáo chính thức được truyền đến Úc vào năm 1848 (thế kỷ thứ 19), khi người Á Châu đi tìm vàng ở vùng Ballarat, tiểu bang Victoria. Rồi đến tháng 11 năm 1882, số lượng Phật tử được gia tăng nhờ có nhóm người Tích Lan đến Úc để làm việc trên những đồn điền mía đường ở vùng Mackay, phía Bắc bang Queensland và các sở công nghiệp ngọc trai ở trên đảo Thursday. Đầu những năm 1890, dân số Phật tử trên đảo Thursday, lên đến 500 người Tích Lan. Hai cây Bồ đề được cộng đồng này trồng lúc ấy đến nay vẫn còn. Một ngôi chùa cũng đã được người Tích Lan xây dựng trên đảo Thursday này, nay ngôi chùa không còn nữa nhưng những pho tượng còn sót lại,

giúp ta khẳng định được niên đại PG đã du nhập vào đất Úc.

Cuối thế kỷ thứ 19, ở phương Tây đột nhiên nổi lên phong trào nghiên cứu và học hỏi tôn giáo và văn hóa Á châu. Ở Úc cũng đã ảnh hưởng không khí đó. Vào năm 1891, ông Henry Steel Olcott, người có công xây dựng nền tảng cho PG tại Hoa Kỳ, đã dành 5 tháng đi diễn thuyết Phật pháp trên khắp nước Úc. Những bài giảng và cuốn sách "Phật pháp vấn đáp" (Buddhist Catechism) của ông đã gây ảnh hưởng rộng lớn trong giới trí thức Úc. Một người trong số đó là ông Alfred Deakin, người về sau ba lần được bầu làm Thủ tướng của nước Úc. Ông có viết một cuốn sách về chuyến viếng thăm Ấn Độ và Tích Lan của ông, trong đó ông dành 3 chương viết về Đức Phật và giáo pháp của Ngài. Trong thời gian đó tổ chức của ông Olcott đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá PG tại Úc, Hội của ông đã cung cấp kinh sách và giới thiệu nhiều Pháp sư đến giảng dạy tại Úc. Một trong những người này là ông F. L. Woodward, đến Úc vào năm 1919 sau 16 năm làm Hiệu trưởng Trường Đại học Mahinda ở Galla, Tích Lan. Ông Woodward đã lưu trú tại tiểu bang Tasmania trong 33 năm, ông dành thời gian này để đi giảng dạy giáo lý và dịch kinh Phật từ Pali ra Anh ngữ cho Hội Dịch Kinh Pali ở Luân Đôn. Một trong những quyển sách của ông là tuyển tập "Những lời Phật dạy" (Some Sayings of the Buddha) ấn hành lần đầu tiên vào năm 1925, là quyển sách được nhiều người Úc biết đến. Cũng vào thời điểm ấy, Tiến sĩ Worthing đã thành lập nhóm " Những nhà nghiên cứu Chân lý" (Students of Truths), phần lớn thành

viên của nhóm này là tín đồ Gia Tô giáo. Nhóm này có chi nhánh ở Melbourne, Sydney và Tasmania.

Đoàn Tăng sĩ truyền Pháp đầu tiên đến Úc vào năm 1915 là năm vị Tỳ Kheo người Đức, năm vị này được phái đến hoằng Pháp từ Tích Lan (Sri Lanka). Một trong năm vị này là Đại Đức Nyanatiloka (1878-1957), một học giả, dịch giả, tác giả của nhiều tác phẩm Phật học quan trọng, và ngài cũng là một người Đức tiên phong trong phong trào lia bỏ thế tục để trở thành tu sĩ PG ở xã hội phương Tây.

Hội Phật giáo đầu tiên tại Úc là "Little Circle of Dharma" (Tiểu Pháp Luân) do đạo hữu David Maurice khởi xướng cùng với Max Tyler và Max Dunn vào năm 1925 tại bang Melbourne. David Maurice sinh năm 1899 tại New South Wales (NSW), ông biết đến với Đạo Phật năm 12 tuổi nhờ đọc được Kinh Trường Bộ (Digha-nikàya) từ bản dịch tiếng Anh của giáo sư Rhys Davids. Sau 2 năm học ngành y ở Đại học Sydney ông bỏ ngành và trở thành nhà văn. Trong giới văn nghệ sĩ Úc, ông phát hiện nhiều người thích nghiên cứu PG và thế là họ cùng nhau thành lập hội trên. Hội của ông chịu ảnh hưởng của truyền thống PG Nam truyền. Đến năm 1950, ông cho xuất bản tờ "The Light of The Dharma" (Ánh sáng của Chánh Pháp), đây là tờ báo PG tiếng Anh tại Úc được phát hành đi khắp thế giới, và đến năm 1962, ông cho in tuyển tập các bài viết của ông, quyển "The Lion 's Roar" (Tiếng rống của Sư tử). Có thể nói Davids Maurice và các thành viên của ông là những người có công lớn trong việc phát triển PG tại Úc và cũng chính họ đã làm cho thế giới biết PG tại xứ sở này trong thời gian nhóm này còn hoạt động.

Năm 1938, một số Phật tử khác cũng thành lập Nhóm Nghiên cứu Phật học (The Buddhist Study Group) do một kiến trúc sư người Melbourne, ông Len Bullen làm nhóm trưởng. Tham vọng của nhóm này là làm cho mọi người hiểu rằng Đạo Phật như là một ngành tâm lý học ứng dụng, có thể giúp cho con người giải quyết được mọi bế tắc của thời đại. Tiếc thay, nhóm này hoạt động được một năm thì tan rã, vì Thế chiến thứ hai đã bùng nổ vào năm 1939.

Người phụ nữ cũng đóng một vai trò phát triển PG tại Úc. Một trong những người phải được kể đến là bà Marie Byles, một nữ luật sư đầu tiên ở quốc gia này và bà được nhiều người biết đến lúc đó như là một người hòa giải, đối thoại và là người tranh đấu quyền bình đẳng cho phụ nữ. Bà đã viết nhiều sách và báo về PG trong những năm bốn mươi và năm mươi. Quyển sách nổi tiếng nhất của bà là "Những dấu chân của Đức Phật Cổ Đàm" (Footprints of Gautama Buddha), xuất bản năm 1951, đến nay sách vẫn còn tái bản. Bà đã đi diễn thuyết Phật pháp nhiều nơi ở Úc cũng như thường nói chuyện trên đài phát thanh ở Sydney. Đặc biệt, trong khuôn viên nhà bà ở Sydney, một thời từng là địa điểm tu học cho các khóa tu ngắn ngày. Bà đã lập một thư viện PG với hàng ngàn Kinh sách cho Phật tử Úc đọc.

Năm 1952, một nữ tu PG đầu tiên viếng thăm Úc, đó là Ni sư Dhammadinna (1881-1967), người Mỹ. Sau ba mươi năm tu học tại Tích Lan, bà được Tiến sĩ Malasekera (vị Chủ tịch đầu tiên của Hội Liên Hữu PG thế giới) mời đến Úc để hoằng pháp. Mặc dù đã 70 tuổi, Ni sư đã đi thuyết giảng nhiều nơi trên khắp nước Úc. Mười một tháng hoằng pháp của Ni sư tại Úc đã làm niềm tin Chánh pháp của tín đồ tại xứ sở này gia tăng không kể xiết.

Đến năm 1953, Hội Phật Giáo NSW (Buddhist Society of New South Wales) ra đời do ông Leo Berkeley, một thương gia người Sydney lãnh đạo. Hội đặt trụ sở tại Sydney, nhưng có chi nhánh ở Melbourne, Queensland và Tasmania. Kết hợp với Hội này, bà Natasha Jackson, một người Úc gốc Nga, là đệ tử của Ni sư Dhammadinna, đã cho xuất bản Nguyệt san Metta (Tỳ Bà), là tiếng nói của PG Úc từ năm 1955 đến năm 1971. Sau đó tờ báo này được đổi tên là "Buddhism Today" (Đạo Phật ngày nay), đây là tờ báo có tuổi đời lâu nhất của PG Úc. Hiện nay Hội này vẫn hoạt động đều đặn do Đạo hữu Brian White lãnh đạo. Người lãnh đạo lâu nhất của Hội này là Đạo hữu Graeme Lyall, ông là một trong những đệ tử trẻ tuổi của ni sư Dhammadinna, quy y vào lễ hội Vesak năm 1953, và được xem là một Phật tử người Úc sống lâu nhất, ông làm việc không biết mệt mỏi để cống hiến cho Phật Giáo Úc và đã vãng sanh vào ngày chủ nhật 3-5-2015, hưởng thọ 85 tuổi.

Năm 1953, Hội Phật giáo Queensland và Hội Phật giáo Victoria ra đời. Đến đầu thập niên 60, PG Nam truyền phát triển mạnh và tập trung ở Sydney. trong khi ở Melbourne, Phật giáo Bắc Truyền bắt đầu cắm rễ nhờ công của Thiền sư Tuyên Hóa, người Hoa (năm 1962, ngài đến hoàng Pháp ở Hoa Kỳ). Đặc biệt là PG Thiền của Nhật Bản, do nỗ lực hoàng Pháp của Hội Phật Giáo Thiền Tào Động (The Soto Zen Buddhist Society). Dòng thiền này đã phát triển mạnh và gây ảnh hưởng lớn ở những tiểu bang khác tại Úc. Năm 1972, Hội PG Hoa Tông ở Úc ra đời tại Sydney do thương gia Eric Liao lãnh đạo, người đến Úc từ năm 1961.

Năm 1974, giáo sư Jayasuriya cùng một số đạo hữu thành lập Hội Phật Giáo Tây Úc (Buddhist Society of Western Australia) tại

Perth, Tây Úc. Ông Jayasuriya là người Tích Lan và là giáo sư Tâm Lý học tại đại học Tây Úc. Thành viên đầu tiên của Hội này gồm một số người Úc, người Hoa và người Thái Lan theo truyền thống Theravada. Năm 1981, Hội đã cung thỉnh hai vị sư người Úc là đại đức Jagaro và đại đức Purisso, về hoàng Pháp từ Thái Lan. Nhờ sự xuất hiện của hai vị tăng sĩ này mà nhiều người Úc đã phát tâm hướng về đạo. Sự lớn mạnh đã đưa Hội đến quyết định mua một thửa đất rộng khoảng 40 hecta trong huyện Serpentine, 70 km về phía nam thành phố Perth, để xây dựng thiền viện Bodhinyana (Giác Minh) vào năm 1983. Do nhu cầu tu học ngày càng đông của người bản xứ, đến năm 1987, Hội lại xây dựng tiếp một Trung tâm Phật Giáo tại thành phố Perth, lấy tên là Trung Tâm Dhammaloka (Pháp Giới), rộng khoảng 5000 mét vuông, bao gồm trụ sở văn phòng, thư viện, nhà khách, hội trường, và một điện Phật rộng lớn để tụng kinh, thuyết Pháp và ngồi thiền. Hiện tại, Hội PGU, được xem là một trong những Hội Phật giáo tại Úc phát triển và hoạt động hoàng Pháp đều đặn. Tăng đoàn tại thiền viện Bhodhinyana hiện gồm có 20 vị tỳ kheo. Thêm vào đó, vào năm 1998, hội cũng có mua một thửa đất rừng khác, rộng khoảng 240 hecta, để xúc tiến thành lập Ni viện Dhammasara do Sư Cô Vayama, người Úc, trụ trì. Hội do Thượng tọa Ajahn Brahmavamsa, người Anh, lãnh đạo tinh thần, và hội trưởng của Hội từ 1998-1999 là một người Việt, đó là tiến sĩ Bình Anson, một người đã định cư tại Úc hơn ba mươi năm qua. Ông đã tham gia sinh hoạt với Hội này từ khi mới đặt chân đến Úc. Ông cũng là người chủ trương trang Web BuddhaSasana (budsas.org) đề phổ biến giáo lý.

Thập niên bảy mươi là giai đoạn chuyên mình và phát triển của PG Úc, đặc biệt là giới trẻ tìm về với PG. Trong khoảng thời

gian này, ước lượng có trên 300 người Úc tham gia các khóa tu ở Ấn Độ và Nepal do Lạt Ma Tây Tạng Thubten Yeshe và Lạt Ma Zopa Rinpoche hướng dẫn. Và có hơn 200 người Úc đến tu học tại Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan. Một số ít trong nhóm này về sau đã xuất gia ông Paul Boston đạo hiệu là S. Dhammika, xuất gia theo PG Tích Lan và đã trở thành một tăng sĩ người Úc nổi tiếng hiện nay, ông đã viết rất nhiều sách và đi giảng nhiều nơi ở Úc. Một vị tăng sĩ người Úc khác, Thượng tọa Pannyavaro, hiện được xem là một người tiên phong trong phong trào truyền bá lời Phật dạy qua hệ thống Internet. Ngài từng đến tu học tại Tích Lan, Thái Lan và Miến Điện. Đầu năm 1992, ngài về lại Úc và bắt đầu mở một thiền đường tại thành phố Sydney để dạy thiền cho người Úc. Để cập nhật hóa với những phát triển của ngành tin học hiện đại, TT. Pannayavaro đã mở một tờ báo Phật giáo điện tử (buddhanet.net), để truyền bá lời Phật dạy, một phương tiện hoằng Pháp nhanh và thu hút rất nhiều độc giả đến với Phật giáo, theo ước tính có gần 10.000 người trên khắp thế giới vào xem mỗi ngày.

Cũng trong thời gian cuối những năm 70, một số lớn di dân và người tị nạn đến từ châu Á và phần lớn họ đều là Phật tử, đó là lý do ra đời hàng loạt tự viện ở Úc. ĐĐ Somaloka, một Tăng sĩ đến từ Tích Lan năm 1971, ông cùng với Hội PGNSW tiến hành xây dựng một ngôi chùa ở Blue Mountain thuộc phía Tây bang Sydney. Năm 1973, Thượng tọa Phra Khantipalo, một Tăng sĩ người Anh đến Sydney từ Thái Lan, ông cùng Phật tử địa phương xây dựng chùa Buddharangssee. Năm 1978, một sư cô người Đức, Ayya Khema, thành lập chùa Budhha Dharma ở phía Bắc Sydney. Hình thức ngôi chùa này giống như một Trung tâm hành thiền hay một trại tu dưỡng hơn là

ngôi chùa.

Đến năm 1979, Trung tâm Thảo luận Phật học (Buddhist Discussion Center) ra đời tại Upwey, bang Victoria do giáo sư người Úc John. D. Hughes sáng lập và làm Hội trưởng. Đây là một tổ chức của một số lớn trí thức Úc muốn nghiên cứu Phật pháp và tu Thiền theo hướng kết hợp theo cả hai truyền thống Nam và Bắc truyền. Hội này cũng cho xuất bản một tờ báo phát hành hàng tháng cho Phật tử Úc đọc. Đến nay tổ chức này vẫn hoạt động mạnh. Cuối năm 1998, Hội này đã mở một Webpage (bdcu.org.au) để phổ biến chủ trương và sinh hoạt của Hội.

Đầu năm 1980, nhiều Hội Phật khác như Hội Phật Giáo Lãnh Thổ Miền Bắc ở Darwin, Hội Phật Giáo Tasmania, Hội Phật Giáo Người Hoa, Hội Phật giáo Tây Tạng... được thành lập và có nhiều hoạt động hoằng Pháp mạnh mẽ để đưa Chánh Pháp đi vào xã hội Úc.

Trong hai thập niên 80 và 90, với chính sách đa văn hóa của chính phủ Úc, nên nhiều sắc tộc khác như Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Hoa, Tây Tạng... đến định cư tại Úc và PG vào thời điểm này phát triển mạnh nhất trong lịch sử của PG Úc. Trong đó, đáng kể nhất là PG Việt Nam, Trung Hoa, Tây Tạng, Lào, Campuchia, Thái Lan, Tích Lan... Riêng PG Tích Lan, hiện nay có khoảng 150.000 người Srilanka định cư tại Úc, có khoảng 15 ngôi chùa và 30 Tăng sĩ trên toàn Úc châu, đáng chú ý là Thượng Tọa Kott Santhindriya, viện chủ Thiền Viện Daham Niketanaya (Melbourne), có công lớn trong việc phát triển PG Theravada ở Úc. Đặc biệt, PG Úc châu đã thật sự chuyên minh và dân chúng Úc càng chú ý và nghiên cứu học hỏi giáo lý nhà Phật nhiều hơn qua 10 lần (1982, 1992, 1996, 2002, 2007, 2008, 2009, 2011, 2013 và 2015) viếng thăm nước

Úc của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, nhà lãnh đạo thế quyền và giáo quyền của dân tộc Tây Tạng. Theo chương trình trù liệu, Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ viếng thăm và thuyết pháp tại Úc châu vào 6 năm 2018.

* PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI ÚC :

Người Việt Nam đến tỵ nạn tại Úc vào cuối những năm bảy mươi, tính đến nay có khoảng 277,400 ngàn người Việt định cư tại xứ sở này (thống kê năm 2016). Có khoảng 12 tờ tuần báo, 10 chương trình phát thanh tiếng Việt, và 2 chương trình truyền hình tiếng Việt để phục vụ cho cộng đồng. Về tình hình PGVN thì có bốn Giáo Hội khác nhau có mặt tại Úc, bao gồm Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế Giới (chi nhánh của HT.Thích Huyền Vi, Pháp quốc); Giáo Hội PGVN Trên Thế Giới (chi nhánh của HT.Thích Tâm Châu, Canada); Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Khất sĩ (chi nhánh của HT. Giác Nhiên, Hoa Kỳ); đặc biệt là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, thành lập vào năm 1981 do công của HT. Thích Phước Huệ, HT. Thích Huyền Tôn, HT. Thích Như Huệ và TT. Thích Bảo Lạc, là những Tăng sĩ VN đầu tiên định cư tại Úc Châu đứng ra thành lập. Giáo Hội này đã trải qua nhiều thăng trầm, thịnh suy và hoạt động trong vòng 15 năm trong mục đích thiết lập nền tảng và phát triển Chánh Pháp tại xứ sở Nam bán cầu này. Nhưng đến tháng 12 năm 1995, do lung củng nội bộ nên Giáo Hội đã ngưng hoạt động. Đến tháng 9 năm 1999, phần lớn chư Tôn Đức của Giáo Hội này đã tổ chức Đại Hội khoáng đại tại Chùa Pháp Bảo, tiểu bang New South Wales, để phục hoạt lại Giáo Hội sau ba năm ngưng trệ. Đại hội đã tổ chức trong ba ngày mùng 10, 11 và 12 tháng 9 năm 1999, quy tụ đa số Tăng Ni, Phật tử VN và hơn 23 tự viện khắp Úc Châu và Tân Tây Lan đồng về tham dự (nay con

số của thành viên GH đã lên đến 43 tự viện). Đại Hội đã đồng thuận đổi danh xưng của Giáo Hội mới là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Úc Đại Lợi -Tân Tây Lan. Theo các giới quan sát thì Đại Hội đã thành công viên mãn với sự ủng hộ nồng nhiệt của mọi giới đồng hương Phật tử tại Úc và Tân Tây Lan.

Xem thêm: <http://phatgiaoucchau.com>

Nhìn chung, Phật Giáo Việt Nam đang từng bước hòa nhập và phát triển tại Úc, sự ra đời của những ngôi chùa Việt với mái ngói uốn cong mang dáng dấp Á Châu cổ kính trên xứ sở này là một hình ảnh đẹp, một sự đóng góp thiết thực, bất khả phân ly của cộng đồng người Việt vào di sản đa văn hóa, đa sắc tộc của Úc Đại Lợi.

Tính đến nay, có khoảng 100 Tăng Ni người Việt và 70 ngôi chùa trên khắp Úc Châu. Theo cái nhìn của người bản xứ thì PGVN rất khác biệt và phong phú hơn so với các Hội PG Sắc Tộc khác có mặt tại Úc. Đó là sự hòa hợp độc đáo giữa ba tông phái khác nhau là Mahayana, Theravada và Khất sĩ, cũng như Thiên tông và Tịnh Độ tông. Một nét đặc thù khác của PGVN tại Úc, là chùa có tổ chức Gia đình Phật tử, hiện có 12 GDPT với khoảng 1050 huynh trưởng và đoàn sinh, đặc biệt một số chùa còn cho mở Trường Bồ Đề dạy Việt ngữ, giúp cho thế hệ trẻ VN sanh tại Úc học hiểu để duy trì ngôn ngữ và nền văn hóa của mình.

SỐ LƯỢNG TỰ VIỆN, TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ TẠI ÚC :

Về tự viện, Tịnh Thất, Niệm Phật Đường tại Úc hiện có trên 250 ngôi, trong đó PG Bắc truyền có 100 chùa, PG Nam truyền có 59 chùa, PG Tây Tạng có 37 chùa, PG Úc và

các tông phái khác có 34 chùa.

Về Tăng Ni, thật khó mà biết con số chính xác về số lượng Tăng Ni hiện nay ở Úc là bao nhiêu, nhưng theo thống kê sơ bộ gần đây của Bộ Di Trú Úc cho biết hiện có khoảng 200 Tăng Ni tại Úc.

Về số lượng tín đồ PG cũng do Chính phủ Úc thống kê cho biết có khoảng 200.000 Phật tử tại Úc, trong đó phần lớn là người VN, Mã Lai, Cam Bốt, Lào, Trung Hoa, Tích Lan, Nhật Bản, Singapore, Miến Điện...

ẢNH HƯỞNG PG TRONG VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT TẠI ÚC :

Có một số thi sĩ và họa sĩ người Úc đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng và triết lý đạo Phật. Đó là các họa sĩ Godfrey Miller, Ian Fairweather, John Olsen, Brett Whiteley và Margaret Preston và các thi sĩ như Harold Stewart, Max Dunn, Colin Johnson và Robert Gray, các vị này đã có những tác phẩm chịu nhiều ảnh hưởng PG, đặc biệt là tư tưởng Thiền. Cũng có một số khác vừa làm thơ vừa vẽ tranh như Les Oaten, một người từng đến tu Thiền ở Nhật Bản, và đã cùng với Len Henderson thành lập một Hội PG ở Victoria vào năm 1953. Và hiện nay có Adrian Snodgrass, một giảng viên ở khoa kiến trúc thuộc Đại học Sydney, thơ và tranh của ông cũng ảnh hưởng nhiều về Thiền và Tịnh độ của PG. Trong những năm gần đây đã có nhiều tác phẩm nghệ thuật của ông được ấn hành.

TƯƠNG LAI CỦA PHẬT GIÁO TẠI ÚC :

Lịch sử Phật Giáo Úc đã trải qua nhiều giai đoạn, từ lúc du nhập cho đến những năm đầu thập niên 60, Phật Giáo tuy không phát

triển mạnh nhưng vẫn được duy trì trong các cộng đồng của người Á lẫn người Âu châu. Nhưng với sự gia tăng của làn sóng người di dân tỵ nạn đến Úc từ các quốc gia Á châu vào những năm 79 và 80 của thế kỷ 20, Phật Giáo Úc đã lật qua một trang sử mới và phát triển rất nhanh. Số lượng tín đồ PG Úc đứng hàng thứ hai, theo sau Ky Tô Giáo. Theo thống kê mới nhất của Úc vào năm 2016, Úc đã có 563,677 tín đồ Phật Giáo.

Rõ ràng số lượng người Úc ngày càng nhiều trở về với PG, đây là một tin vui cho các nhà lãnh đạo Phật Giáo. Tuy nhiên, người Úc da trắng đã gặp khó khăn trong việc học hỏi và thực hành giáo lý nhà Phật, do bất đồng về ngôn ngữ và va chạm hàng rào văn hóa giữa các sắc tộc. Do vậy, các hội đoàn PG tại Úc, nhất là của người Úc phải chủ động phối hợp với các hội đoàn PG thuộc các sắc tộc khác để cùng nhau giải quyết những khó khăn, bế tắc trong quá trình truyền bá. Đó là nỗi trăn trở không phải của riêng ai, mà chính các nhà lãnh đạo PG Úc, và chư Tôn Đức Tăng Ni đang hành hoạt tại Úc phải suy nghĩ, phải tìm cách để phát huy và truyền bá lời Phật dạy rộng rãi cho các cộng đồng khác nhiều hơn là chỉ khu biệt trong nội bộ sắc tộc của mình.

Tổng hợp từ các tài liệu:

- Paul Croucher, *A Buddhism in Australia 1048-1988*, NSW, 1989
- Kerry Trembath, *Newsletter of Buddhist Council of NSW*, 11/1996
- Enid Adam & H.Philip, *The Buddhists in Australia*, Canberra, 1996
- *Exploring Religion*, Exford University Press, NSW, Australia, 1998
- *SBS World Guide, the complete fact file on every country*, Vic. 1999
- *SBS Radio Australia* - <https://www.sbs.com.au> (2017)

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368